



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH



# 2020 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH



Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý,  
thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.



0232. 3838909



duongsatquangbinh@gmail.com



www.duongsatquangbinh.vn

1

THÔNG TIN  
CHUNG

4

BÁO CÁO  
HỘI ĐỒNG  
QUẢN TRỊ

2

TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM

5

BÁO CÁO  
QUẢN TRỊ  
CÔNG TY

3

BÁO CÁO  
BAN GIÁM ĐỐC

6

BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH



# MỤC LỤC



# THÔNG TIN CHUNG

---

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO



<b>Tên giao dịch</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH
<b>Tên Tiếng Anh</b>	QUANG BINH RAILWAY JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	QBR.,JSC
<b>Mã chứng khoán</b>	QBR
<b>Vốn điều lệ</b>	17.605.000.000 đồng

<b>Trụ sở chính</b>	Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
<b>Điện thoại</b>	0232. 3838909
<b>Fax</b>	0232. 3836742
<b>Website</b>	<a href="http://www.duongsatquangbinh.vn">www.duongsatquangbinh.vn</a>
<b>Email</b>	duongsatquangbinh@gmail.com
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b>	Số 3100213455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 06/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 01/03/2018.

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Tiền thân ban đầu của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình là Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình.

**Năm 1998**

Bộ Giao thông Vận tải có quyết định số 867/1998/QĐ/TCCB-LĐ về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Bình.

**Năm 2010**

Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam có quyết định số 710/QĐĐS chuyển Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình.

**Năm 2016**

Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình chính thức đi vào hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp: 3100213455 đăng ký thay đổi lần 5 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

**Năm 1981**

Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường sắt Việt Nam đã ban hành Quyết định số 454/LĐTL về việc thành lập Đoàn cầu đường Quảng Bình.

**Năm 2003**

Đơn vị chính thức đổi tên thành Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Bình theo quyết định số 734/2003/QĐ-BGTVT ngày 20/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

**Năm 2015**

Công ty thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu với tổng số lượng cổ phần chào bán đấu giá công khai là: 88.045 cổ phần, giá đấu thành công bình quân thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phần.

**Năm 2020**

Đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn đang giữ nguyên mức vốn điều lệ là 17.605.000.000 đồng và không ngừng phấn đấu nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu hoạt động hàng năm được ĐHCĐ giao phó cũng như đảm bảo được các nghĩa vụ đóng góp vào Ngân sách Nhà nước.



## CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Cùng với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, thi công xây dựng các công trình đường sắt, Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng cao quý do Chủ tịch nước trao tặng như:

- 💡 Huân chương lao động hạng ba năm 1992
- 💡 Huân chương lao động hạng nhì năm 1997
- 💡 Huân chương lao động hạng nhất năm 2008
- 💡 Huân chương độc lập hạng ba năm 2014
- 💡 Cờ, bằng khen của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải, các Bộ khác, các Tổ chức Chính trị xã hội và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình trao tặng.

Bên cạnh đó, Công ty nhiều năm đạt danh hiệu Đơn vị dẫn đầu thi đua và tiên tiến của Tổng công ty và nhiều cờ thi đua, bằng khen của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương tặng cho các tập thể và cá nhân xuất sắc.

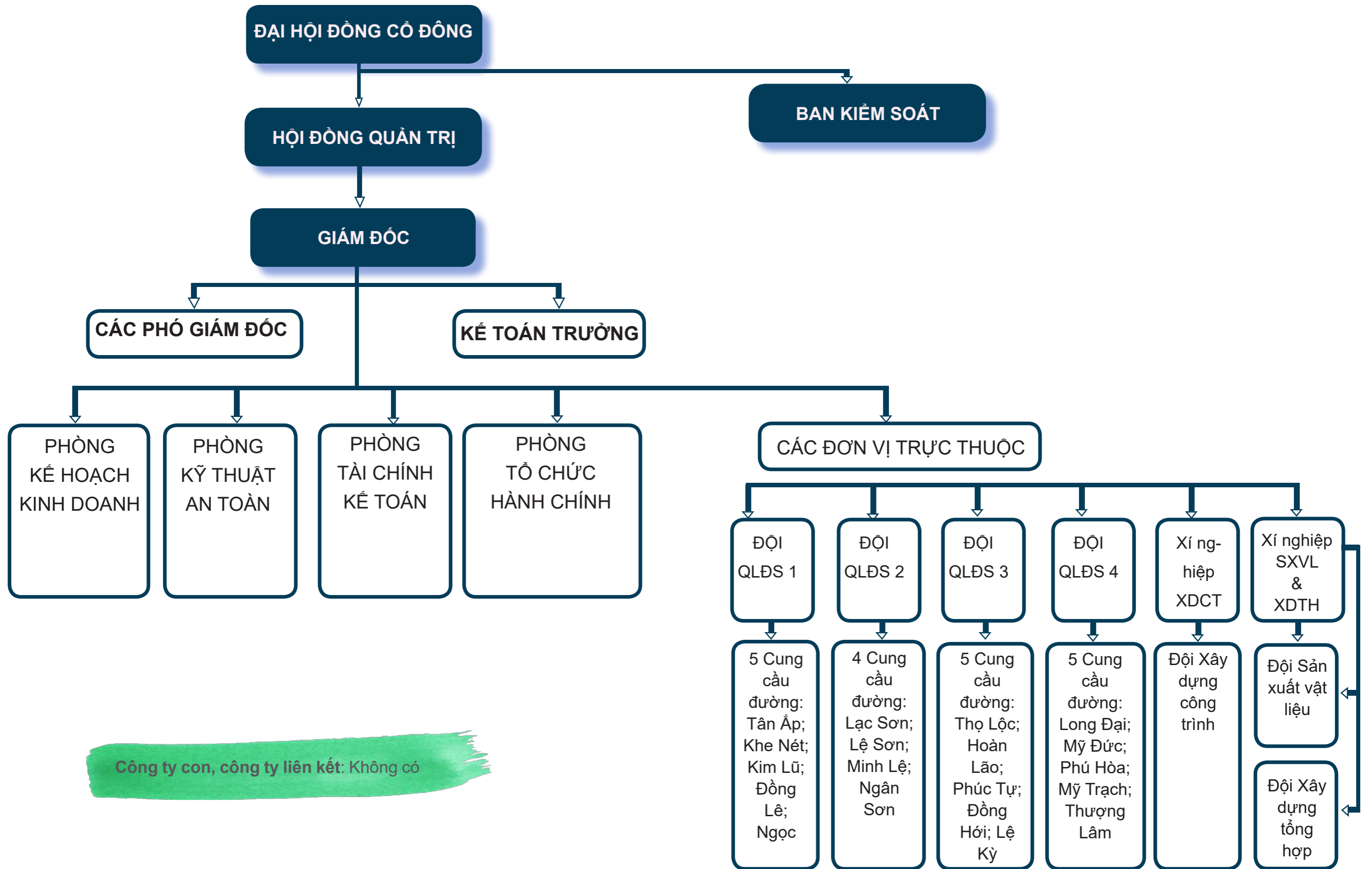
## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- 🔥 Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia;
- 🔥 Tư vấn lập dự án đầu tư, thẩm định báo cáo đầu tư, khảo sát thiết kế, thẩm định giá, giám sát các công trình giao thông, dân dụng;
- 🔥 Xây dựng, lắp đặt thiết bị các công trình về: Giao thông đường sắt, đường bộ, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, đường dây truyền tải điện và trạm biến áp;
- 🔥 Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị, phụ kiện, kết cấu thép và bê tông chuyên ngành giao thông đường sắt; trang thiết bị dụng cụ lao động, bảo hộ lao động.

### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tập trung  
chủ yếu trên  
địa bàn tỉnh  
Quảng Bình



Công ty con, công ty liên kết: Không có

### CÁC MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC CHỦ YẾU CỦA NGÀNH ĐƯỜNG SẮT

Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình với bề dày truyền thống và uy tín đã được khẳng định trên thị trường, Công ty đề ra mục tiêu thực hiện các nội dung sau:

- 🎯 Xây dựng và phát triển để trở thành doanh nghiệp mạnh trong ngành giao thông.
- 🎯 Nâng cao năng lực, tăng khả năng cạnh tranh của Công ty cổ phần, đưa Công ty cổ phần phát triển bền vững.
- 🎯 Đa dạng hóa hình thức nhận thầu thi công trong đấu thầu các dự án lớn, tập trung tăng cường tổ chức và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có đồng thời tìm cách huy động nguồn vốn bên ngoài một cách hợp pháp để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư. củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong nhận thầu, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các công trình.
- 🎯 Đào tạo phát triển nguồn nhân lực sẵn có, đồng thời có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.



### CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chiến lược phát triển của Công ty dựa trên nguồn lực con người là khâu then chốt, quản trị doanh nghiệp là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ Công ty. Công ty thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy quản lý, điều hành từ cơ quan Công ty đến các đơn vị trực thuộc, theo định hướng cụ thể như sau:

- 🎯 Công ty sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là ký kết các hợp đồng, quản lý và triển khai các hợp đồng đã ký, huy động nguồn lực từ nhiều đơn vị; đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp, định hướng hoạt động đầu tư, kiểm tra giám sát việc sử dụng và phát triển nguồn vốn của Công ty tại các đơn vị.
- 🎯 Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh công tác quản lý, điều hành và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong cùng Công ty. Tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế quản lý, xác lập mối quan hệ theo chiều dọc, điều hành thống nhất từ trên xuống dưới (giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc).
- 🎯 Thực hiện định hướng đầu tư phát triển đối với các đơn vị của Công ty trên cơ sở ổn định cơ cấu tổ chức, ngành nghề kinh doanh, sắp xếp đầu tư phát triển nguồn vốn, nguồn nhân lực, nâng cao năng lực máy móc thiết bị phát triển thị trường theo hướng chuyên ngành để tăng hiệu quả kinh doanh.
- 🎯 Xây dựng một cơ chế hợp lý để khuyến khích các đơn vị trực thuộc sản xuất năng động hơn, chủ động hơn trong công tác tìm kiếm việc làm.



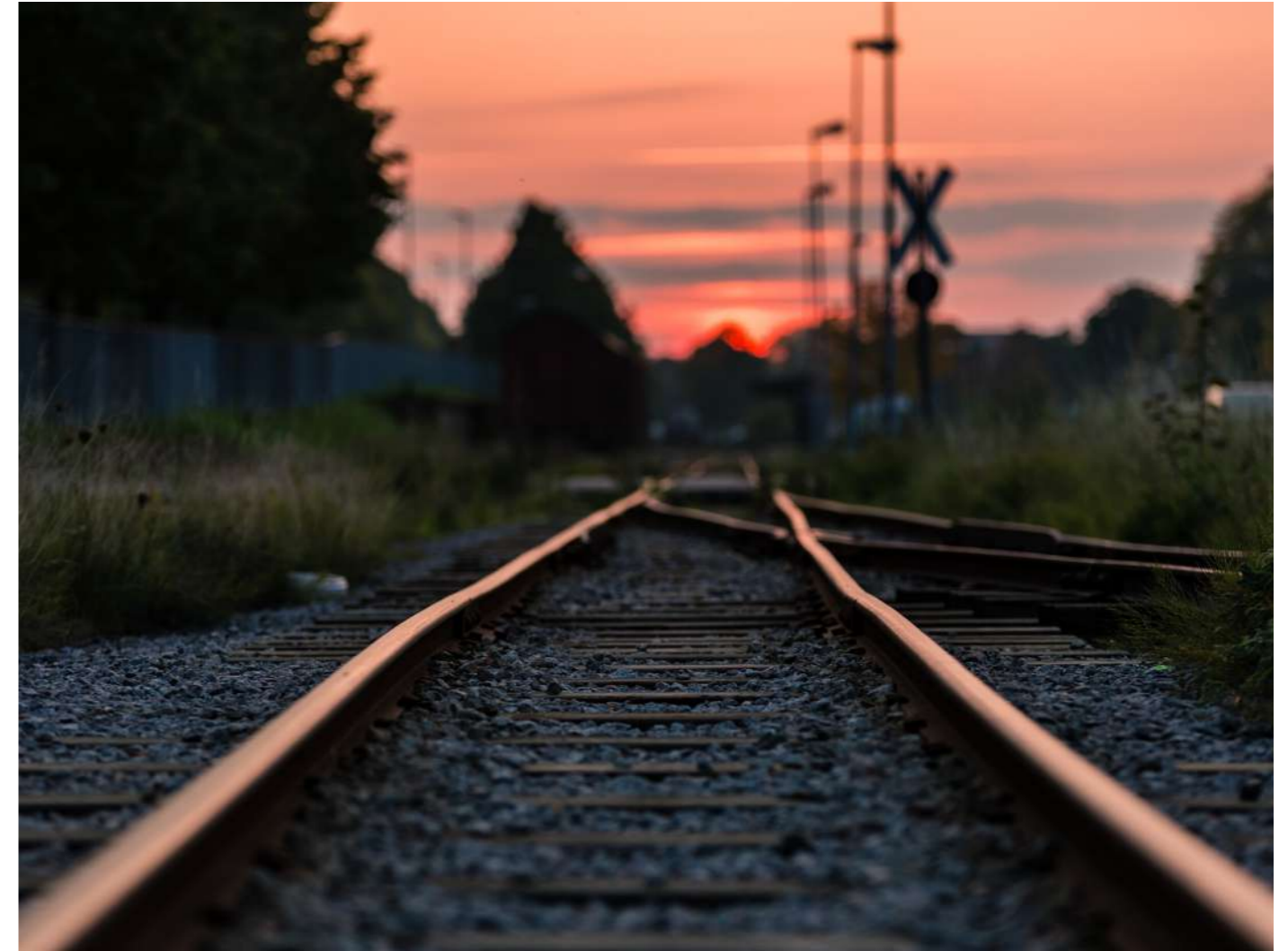
## CÁC RỦI RO



### Rủi ro kinh tế

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh tế - chính trị hầu hết các nước trên thế giới. Do hội nhập sâu rộng, kinh tế Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng nặng nề, tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp hơn nhiều so với trước khủng hoảng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2020 tăng 2,91% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011-2020.

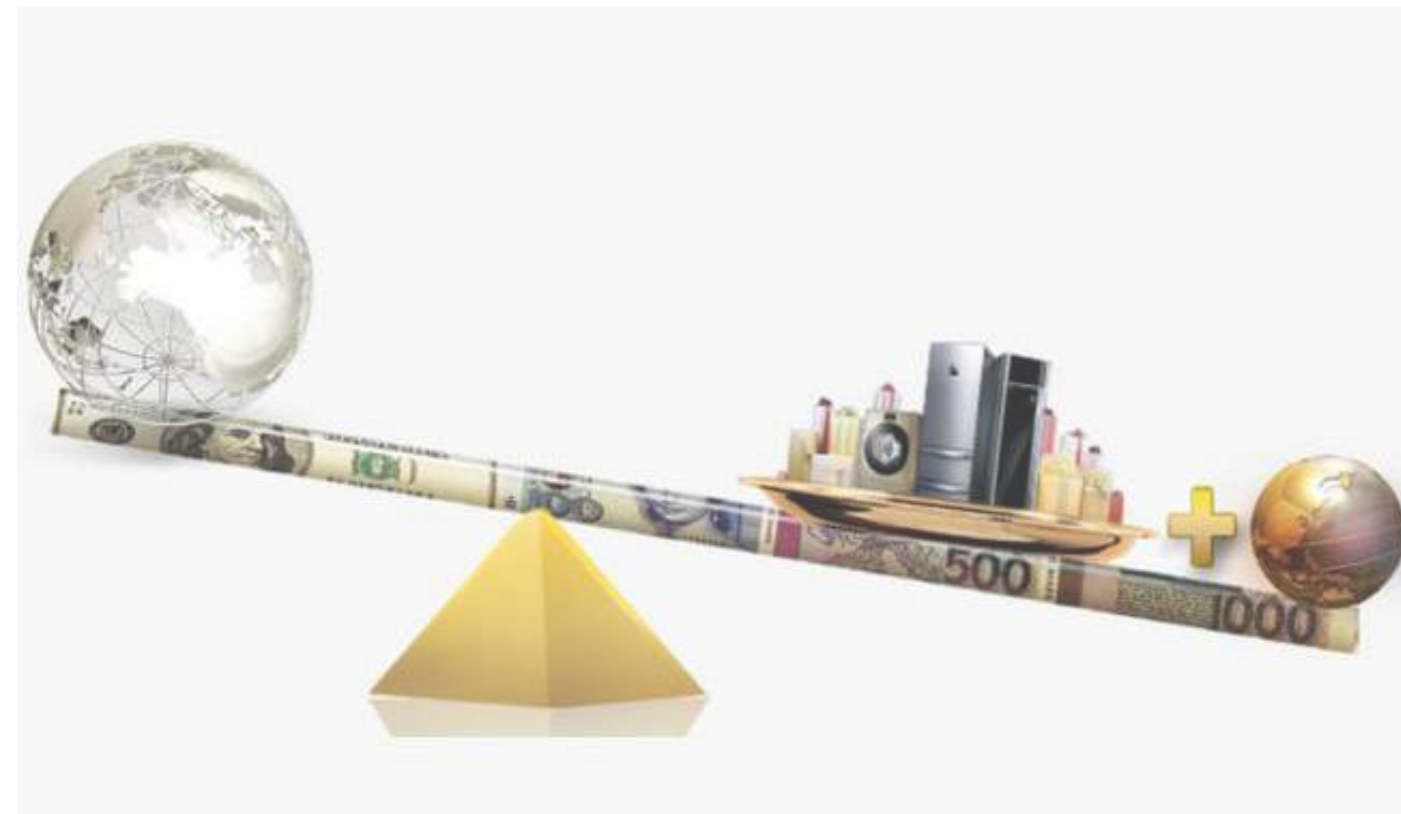
Hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ vận tải đường sắt và kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình không tránh khỏi những khó khăn mà các doanh nghiệp cùng ngành đang gánh chịu. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước để xây dựng kịch bản ứng phó kịp thời và nắm bắt cơ hội nhanh chóng để đạt được những mục tiêu đề ra.



### Rủi ro pháp luật

Mọi hoạt động kinh doanh đều chịu sự kiểm soát của pháp luật và QBR cũng không ngoại lệ. Là Công ty Cổ phần đăng ký giao dịch (UPCOM) trên sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, QBR chịu sự tác động của nhiều luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Đất đai, Luật Kinh doanh Bất động sản,... Những luật này thường xuyên được chỉnh sửa để phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước mang đến nhiều cơ hội cũng như thách thức cho QBR.

Do đó, trong quá trình hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty luôn liên tục theo dõi và cập nhật để kịp thời điều chỉnh quy định, điều lệ phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.





### Rủi ro nguyên vật liệu

Nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty. Trong khi đó, giá các dịch vụ sửa chữa, bảo trì, xây dựng... phụ thuộc vào đơn đặt hàng của chủ đầu tư với Công ty. Vì vậy, kết quả kinh doanh thu được từ các công trình xây dựng đều chịu ảnh hưởng của sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào. Đồng thời, Công ty khó có thể xoay sở kịp thời với sự tăng giảm thất thường của giá nguyên vật liệu đầu vào.

Để điều tiết rủi ro do biến động giá nguyên vật liệu, QBR đã chủ động theo dõi tình hình kinh tế để xây dựng kịch bản ứng phó kịp thời, nắm bắt cơ hội nhanh chóng để đạt được những mục tiêu đề ra.



### Rủi ro cạnh tranh

Sự xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp xây dựng cơ bản dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt. QBR sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần cùng việc khẳng định vị thế của mình trong ngành. Đây được xem là động lực thúc đẩy Công ty không ngừng nỗ lực hoàn thành các công trình hạ tầng đường sắt có chất lượng tốt.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh, QBR buộc phải có những bước chuyển động mạnh mẽ để dần khẳng định chỗ đứng riêng của mình. Công ty luôn tìm kiếm nguồn nguyên liệu chất lượng với chi phí thấp để tạo sự khác biệt và mang lại hiệu quả kinh doanh.





### Rủi ro đặc thù ngành

Ngành quản lý, bảo trì đường sắt là một ngành mang tính đặc thù, đòi hỏi nhiều chi phí và nguồn vốn lớn, sử dụng các loại máy móc chuyên dụng, hiện đại và nguồn nhân lực dài hạn có chất lượng. Vì vậy, lạc hậu về công nghệ hay bất cập trong chính sách chế độ đối với người lao động đều được xem là rủi ro đáng quan tâm.

Để hạn chế rủi ro trên, Công ty đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống máy móc phục vụ cho hoạt động kinh doanh, tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề của người lao động. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân về an toàn giao thông để đảm bảo an toàn giao thông đường sắt.

Bên cạnh đó, hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu. Đồng thời, tình trạng người dân sống dọc hai bên đường sắt lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, và tình trạng vi phạm quy định khi tham gia giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường sắt và đường bộ đã ảnh hưởng đến công tác của nhân viên đường sắt và có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.



### Rủi ro bất khả kháng

Nằm trong khu vực Bắc Trung Bộ, là nơi thường xuyên xảy ra lũ lụt có nguy cơ xói mòn, cây đổ vào đường sắt ảnh hưởng đến an toàn tàu chạy. Chính vì vậy, hàng năm công ty luôn chú trọng công tác phòng chống bão lụt, dự trữ vật tư, máy móc thiết bị để sẵn sàng ứng phó thiên tai.

Ngoài các rủi ro đã trình bày ở trên, QBR còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất khả kháng như cháy nổ, dịch bệnh,... Những rủi ro này tuy xác suất xảy ra thấp nhưng sẽ ảnh hưởng lớn đến tài sản, nhân lực và hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty đã bảo đảm an toàn lao động, các yếu tố bảo vệ môi trường,... để hạn chế những rủi ro đáng tiếc.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

---

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Năm 2020/ Năm 2019
1	Doanh thu thuần	139.935	175.107	25,13%
2	Giá vốn hàng bán	125.710	158.854	126,37%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	4.698	4.919	4,7%
4	Lợi nhuận khác	-165	58	135,08%
5	Lợi nhuận trước thuế	4.533	4.977	9,8%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.518	4.234	20,37%
7	Lợi nhuận cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	1.998	2.405	20,37%

Năm 2020 là một năm tương đối khó khăn đối với ngành vận tải đường sắt cả nước nói chung và Công ty cổ phần đường sắt Quảng Bình nói riêng. Ngành đường sắt chịu tác động nặng nề từ đại dịch COVID-19, đồng thời bão lũ xảy ra tại miền Trung vừa qua đã khiến nhiều đoạn đường sắt ở Quảng Bình sụt lún làm tê liệt giao thông Bắc – Nam.

Dưới sự chỉ đạo của Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm ngặt chế độ tuần tra, chốt gác các công trình, vị trí xung yếu, khu vực trọng điểm như: Cầu, đường yếu, dễ bị ngập nước; khu vực hay xảy ra lũ quét, các đoạn đường đèo dốc, đá rơi, đất sụt, các khu vực đường sắt ở phía hạ lưu đê, đập thủy lợi, hồ chứa nước... Chỉ đạo các đơn vị chủ động tập trung vật tư, thiết bị và nhân lực khắc phục hậu quả mưa, lũ và đảm bảo giao thông thông suốt, phải đảm bảo an toàn cho người, thiết bị thi công, cho các hạng mục công trình; cần đặc biệt chú ý các công trình ở miền núi hay có lũ đột xuất.

Trong năm, sự ra đời và phát triển của các dịch vụ vận tải hàng không giá rẻ và đường bộ cao tốc tạo ra áp lực cạnh tranh rất lớn làm giảm thị phần của vận tải đường sắt. Nhưng với những nỗ lực phát triển về dịch vụ vận tải đường sắt, sự đoàn kết và những cố gắng, nỗ lực của CBCNV thì Công ty có những thành tựu đạt được như sau: Doanh thu thuần đạt 175 tỷ đồng, tăng 25,13% so với năm 2019. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 tăng 20,37% so với cùng kỳ.

## Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Tỷ trọng năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2020	% Tăng/giảm
1	Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTDS	115.400	82,47%	127.582	72,86%	10,56%
2	Doanh thu hoạt động xây lắp (hợp đồng xây dựng)	18.565	13,27%	42.061	24,02%	126,5%
3	Doanh thu cho thuê + hoạt động khác	5.968	4,26%	5.464	3,12%	-8,46%
<b>Tổng cộng</b>		<b>139.935</b>	<b>100,00%</b>	<b>175.106</b>	<b>100,00%</b>	<b>25,13%</b>

Năm 2020, Tổng doanh thu Công ty đạt 175 tỷ đồng tăng 25,13% so với năm 2019. Trong đó chiếm tỷ trọng cao nhất là doanh thu đến từ hoạt động sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, chiếm 72,86% trong tổng doanh thu thuần tăng 10,56% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do ngoài thực hiện các hợp đồng công trình sửa chữa định kỳ đường sắt từ Km 405+000 đến Km 579+500 dài 174,5km, đi qua 04 huyện, 01 thị xã và thành phố Đồng Hới, Công ty còn đấu thầu tham gia các công trình ở các tuyến đường ngoài địa bàn quản lý. Ngoài ra, Doanh thu hoạt động xây lắp (hợp đồng xây dựng) tăng 126,5% so với năm 2019 đạt 42 tỷ đồng chiếm 24,02% tổng doanh thu năm 2020.



## DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Ngọc Sơn	Giám đốc	29.900	1,693%
2	Đoàn Thuận	Phó Giám đốc	11.300	0,641%
3	Trương Hữu Mạnh	Phó Giám đốc	17.600	1,000%
4	Mai Thị Tuyết Lan	Kế toán trưởng	96.745	5,495%



## THÔNG TIN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

**ÔNG TRẦN NGỌC SƠN**

Thành viên HĐQT - Giám đốc

### Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 29.900 cổ phần
- Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 448.927,5 cổ phần

**Ngày sinh:** 30/10/1974

**Dân tộc:** Kinh

**Địa chỉ thường trú:** Tổ dân phố 15, phường Nam Lý, TP Đồng Hới, Quảng Bình.

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư cầu hầm đường sắt

### Quá trình công tác

- 03/1994 - 12/1995: Công nhân Cung cầu La Khê thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình
- 01/1996 - 07/2002: Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật; Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình
- 08/2002 - 09/2006: Bí thư Đoàn thanh niên Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình
- 10/2006 - 11/2006: Trưởng phòng TCCB-LĐ Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình
- 12/2006 - 11/2011: Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình
- 12/2011 - 12/2015: Phó Bí thư thường trực Đảng ủy kiêm Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình
- 01/2016 - 02/2018: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc Công ty
- 01/3/2018 - nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

### ÔNG ĐOÀN THUẬN

Phó Giám đốc

#### Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân	11.300 cổ phần
Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam	0 cổ phần

<b>Ngày sinh</b>	10/10/1970
<b>Dân tộc</b>	Kinh
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kỹ sư Xây dựng cầu đường.
<b>Quá trình công tác</b>	

05/1992 - 8/1993	Công nhân duy tu sửa chữa đường sắt; Cung đường Khe Nét thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình
09/1993 - 01/1995	Thống kê Đội đường 2 thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình
02/1995 - 01/1998	Thống kê Đội máy chèn thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình
02/1998 - 02/2005	Chuyên viên phòng TCCB-LĐ Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình
03/2005 - 07/2013	Phó trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Quảng Bình
08/2013 - 11/2014	Phó trưởng phòng Kế hoạch kiêm phụ trách Tổ dự án Công ty TNHH MTV quản lý đường sắt Quảng Bình
12/2014 - 02/2018	Trưởng phòng KH-KD Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình
03/2018 - nay	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình

### ÔNG TRƯƠNG HỮU MẠNH

Phó Giám đốc

#### Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân	17.600 cổ phần
Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam	0 cổ phần

<b>Ngày sinh</b>	30/7/1963
<b>Dân tộc</b>	Kinh
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Tổ DP 6, Phường Nam Lý, Tp. Đồng Hới, Quảng Bình.
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Kỹ sư Xây dựng đường sắt.
<b>Quá trình công tác</b>	

01/1989 - 7/1989	Thực tập công nhân Cung đường La Khê - Xí nghiệp đường sắt Nghệ Tĩnh
08/1989 - 11/1995	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình
12/1995 - 12/2000	Giám sát viên đường phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình
01/2001 - 05/2002	Kỹ thuật viên phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình
06/2002 - 07/2003	Phó phòng Kỹ thuật thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình
08/2003 - 12/2015	Trưởng phòng Kỹ thuật & ATGTĐS thuộc Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình
01/2016 - nay	Phó Giám đốc Công ty CP Đường sắt Quảng Bình

**BÀ MAI THỊ TUYẾT LAN**

Kế toán trưởng

### Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

Sở hữu cá nhân	96.745 cổ phần
Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam	0 cổ phần

**Ngày sinh** 02/09/1977

**Dân tộc** Kinh

**Địa chỉ thường trú** Xã Bảo Ninh, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

**Trình độ chuyên môn** Cử nhân kinh tế.

### Quá trình công tác

11/1999 - 08/2003	Chuyên viên tại Công ty CP Gốm sứ Quảng Bình
09/2003 - 03/2011	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, phòng TCCB-LĐ Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình
04/2011 - 06/2013	Phó phòng TCCB-LĐ, phó phòng TCKT Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình
07/2013 - 06/2014	Trưởng phòng TCKT Công ty TNHH MTV QLĐS Quảng Bình
07/2014 - nay	Kế toán trưởng Công ty

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>537</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	57	10,61%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	11	2,05%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	469	87,34%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>537</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	537	100%
3	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>537</b>	<b>100%</b>
1	Nam	421	78,40%
2	Nữ	116	21,60%

## THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	517	534	532	537
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.760.000	8.536.000	8.988.000	9.650.000





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

#### Về đào tạo

Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo để phát triển và khai thác những tiềm năng của nhân sự. Mục tiêu đào tạo về nhân sự của Công ty là giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với công việc. Tìm hiểu nhu cầu đào tạo, lựa chọn phương pháp và mô hình đào tạo phù hợp cũng như đánh giá hiệu quả đào tạo được thực hiện bài bản nhằm đảm bảo chất lượng của các chương trình đào tạo. Theo đó, hàng năm Công ty tạo điều kiện cho CB-CNV có cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm và hiệu quả thực hiện công việc, góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty. Các buổi đào tạo này ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng còn giúp tạo sự gắn kết và chia sẻ giữa các CB-CNV Công ty.

#### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

**CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ LÀ MỘT YẾU TỐ THEN CHỐT TRONG CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC CỦA CÔNG TY, LÀ MỘT MẮT XÍCH TRONG CHIẾN LƯỢC LƯỢNG HÓA GIÁ TRỊ TOÀN DIỆN MÀ CÔNG TY MANG LẠI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, BÊN CẠNH CÁC GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU, CƠ HỘI PHÁT TRIỂN BẢN THÂN, CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP, GIÁ TRỊ KIẾN THỨC TÍCH LŨY VÀ HỆ THỐNG LƯƠNG THƯỞNG CẠNH TRANH.**

Công tác tiền lương được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương và các cam kết với người lao động. Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Thu nhập được trả căn cứ thị trường lao động, trình độ, năng lực, trách nhiệm, khối lượng công việc thực tế và kết quả công việc của cá nhân. Chính sách thưởng được thực hành trên cơ sở bộ công cụ đánh giá thực hiện công việc.

#### Về tuyển dụng

- ☀️ Chính sách tuyển dụng tại Công ty được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy trình và tiêu chuẩn quy định, kèm với các chính sách thu hút và giữ nhân tài, đảm bảo tuyển dụng được những cán bộ có năng lực, trình độ, đáp ứng các yêu cầu về quản lý và hoạt động kinh doanh. Việc tuyển dụng và sắp xếp, bố trí công việc được thực hiện đảm bảo phù hợp năng lực, phẩm chất của người lao động, phát huy năng lực, đóng góp của người lao động cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho người lao động có sự thăng tiến trong nghề nghiệp.
- ☀️ Người lao động được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên thông qua các chương trình đào tạo nội bộ.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng
1	Tên dự án:	Mua sắm máy móc, thiết bị thi công phục vụ công tác bảo trì KCHT đường sắt
2	Tên nhà đầu tư	Công ty cổ phần đường sắt Quảng Bình
3	Hình thức đầu tư	Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và thực hiện dự án
4	Mục tiêu đầu tư	Thiết bị cơ giới để phục vụ thi công sửa chữa và bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt
5	Quy mô dự án	Máy chèn đường cầm tay: 02 máy Máy cưa ray: 03 máy Máy khoan ray: 03 máy Máy xiết bu long: 01 máy Máy photocopy: 01 máy
6	Địa điểm thực hiện dự án	Công ty cổ phần đường sắt Quảng Bình
7	Tổng mức đầu tư dự án	1.891.320.000
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Trong năm 2020



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,22	1,14
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,18	0,83
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	67,43	78,26
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	207,00	360,06
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	3,62	2,66
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	3,14	3,61
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	49,48	12,07
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,045	2,048
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,51	2,42
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,67	19,09
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,14	4,95

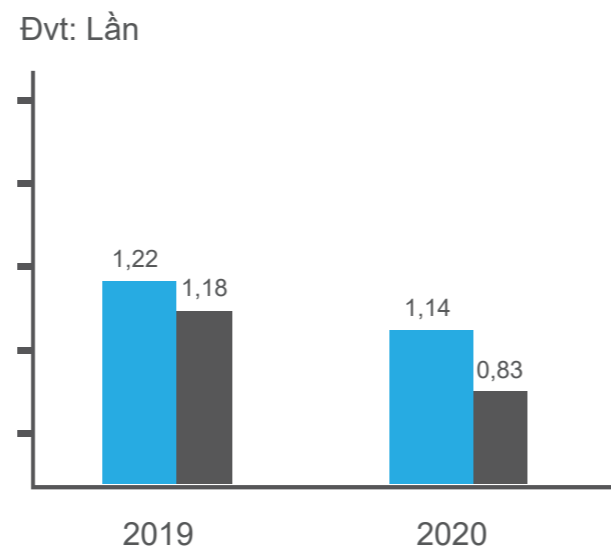
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 01

#### Chỉ tiêu cơ cấu thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2020 lần lượt là 1,14 và 0,83 lần, thấp hơn lần lượt so với năm 2019 là 1,22 và 1,18 lần. Mặc dù trong năm công ty ghi nhận khoản tương đương tiền tăng hơn 12 tỷ đồng đây là khoản tiền ký quỹ để bảo lãnh theo hình thức cam kết với khách hàng. Tuy nhiên do trong năm Công ty dự trữ nguyên vật liệu phục vụ cho Công trình sửa chữa định kỳ đường sắt Km 589+000 – Km 597+000 tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh, và các hạng mục công trình còn dở dang do khắc phục hậu quả mưa lũ gây ra là nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm trên. Dù vậy, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản nợ của Công ty.

Biểu đồ chỉ tiêu cơ cấu thanh toán



- Hệ số thanh toán ngắn hạn
- Hệ số thanh toán nhanh

### 03

#### Chỉ tiêu năng lực hoạt động

Về năng lực hoạt động, vòng quay hàng tồn kho giảm ở mức 12,07 so với mức 49,48 của năm 2019 do Công ty dự trữ vật liệu ray P50, tà vẹt bê tông dự ứng lực phục vụ cho Công trình sửa chữa định kỳ đường sắt Km 589+000 tuyến đường sắt Hà Nội – TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 33/2020/HĐXD ngày 09/11/2020. Thêm vào đó, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tăng mạnh do các hạng mục công trình chưa hoàn thiện trong năm 2020 và được chuyển tiếp sang năm 2021 cụ thể: Công trình cứu chữa khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra, Công trình thi công cải tạo, nâng cấp nền đường, sửa chữa định kỳ đường Km 474+100-479+500.

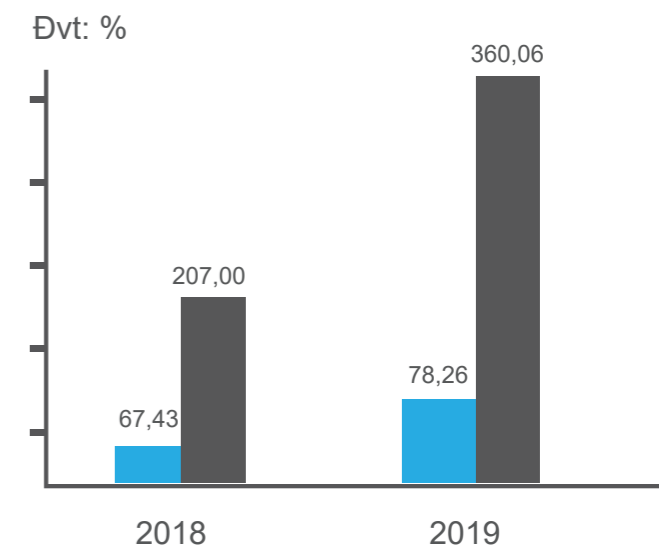
Vòng quay khoản phải trả giảm từ 3,62 vòng năm 2019 xuống còn 2,66 vòng năm 2020. Nguyên nhân từ khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng từ 18 tỷ đồng năm 2019, lên 50 tỷ đồng năm 2020 (tương đương tăng 180,45%).

### 02

#### Chỉ tiêu cơ cấu vốn

Hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đều tăng so với năm 2019, lần lượt ở mức 78,26% và 67,43%. Nguyên nhân, do khoản phải trả cho nhà cung cấp tăng, nhằm phục vụ cung cấp nguyên vật liệu: đá, đơn vị thi công... do dự án sửa chữa đường sắt. Bên cạnh đó, trong năm Công ty không có khoản vay nợ ngắn hạn, dài hạn. Vì vậy, với uy tín cao cùng với tình hình kinh doanh tốt nên Công ty có khả năng thanh toán nợ trong thời gian ngắn.

Biểu đồ chỉ tiêu cơ cấu vốn



- Hệ số Nợ/Tổng tài sản
- Vòng quay tổng tài sản

### 04

#### Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Chỉ số tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) giảm từ 0,17% năm 2019 xuống 0,19% năm 2020. Do, trong năm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 4,7% so với năm 2019, tập trung phát triển vào các hoạt động sửa chữa thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, hoạt động xây lắp (hợp đồng xây dựng). Chỉ số tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA) cũng giảm ở mức 0,049% so với mức 0,051% năm 2019. Nguyên nhân, Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 212,65% so với năm 2019.

Tuy có sự sụt giảm ở hệ số sinh lời nhưng tình hình kinh doanh của Công ty vẫn duy trì ở mức ổn định nhờ vào cả hai khía cạnh tăng trưởng doanh thu và tiết giảm chi phí của Công ty. Về doanh thu, nhờ có những phương án đúng đắn khắc phục tốt đường sắt sau bão đã mang về cho Công ty doanh thu thuần cao hơn 25,13% so với năm 2019. Về chi phí, Công ty luôn cố gắng quản trị các loại chi phí một cách hiệu quả nhất để vừa có giá sản phẩm cạnh tranh, vừa đảm bảo được chất lượng sản phẩm. Nhờ vào đó, lợi nhuận của Công ty luôn tăng trưởng qua các năm giúp các chỉ số sinh lời luôn đạt ở mức cao.

## TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### THÔNG TIN CỔ PHIẾU

#### Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :1.760.500 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ :0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

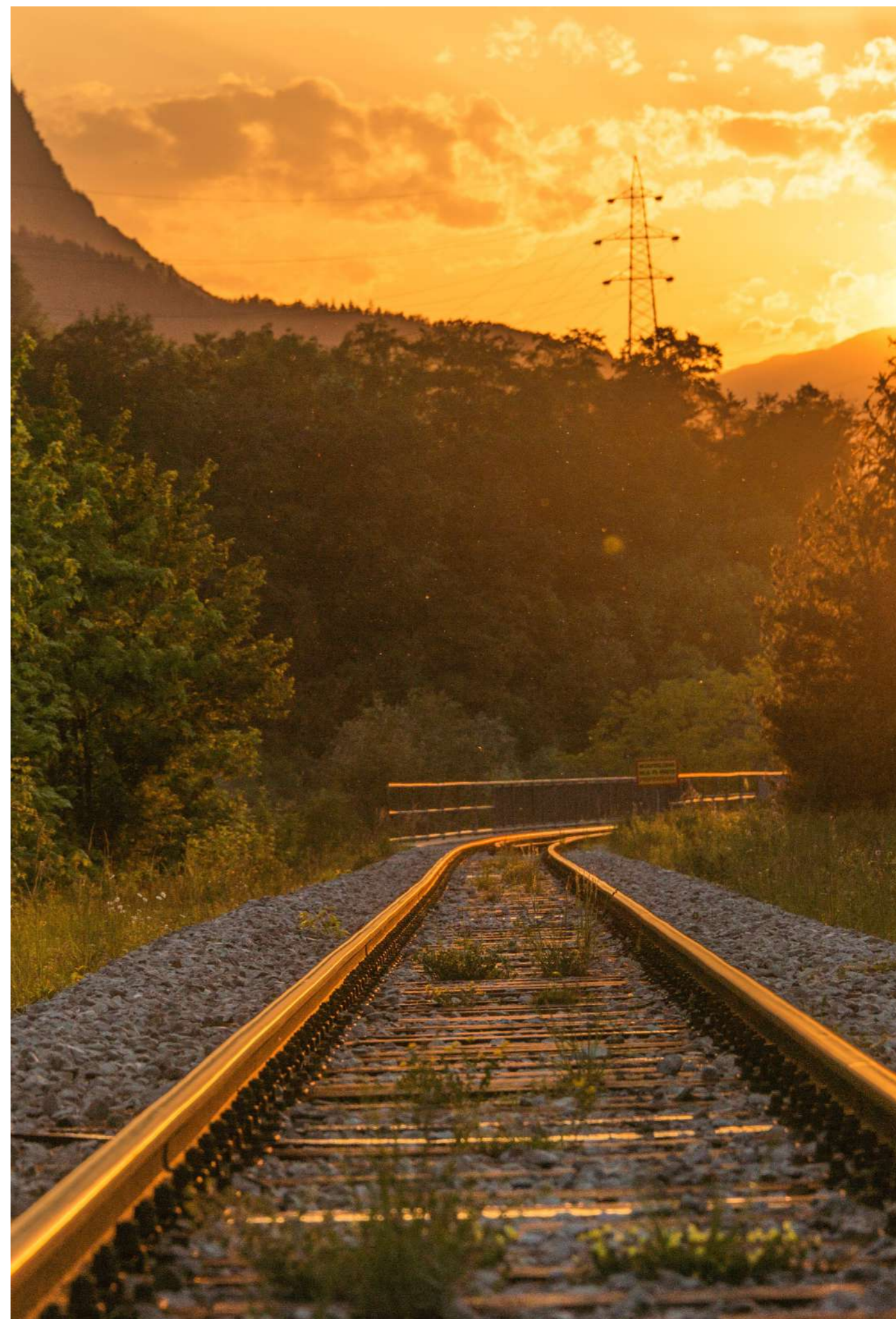
### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

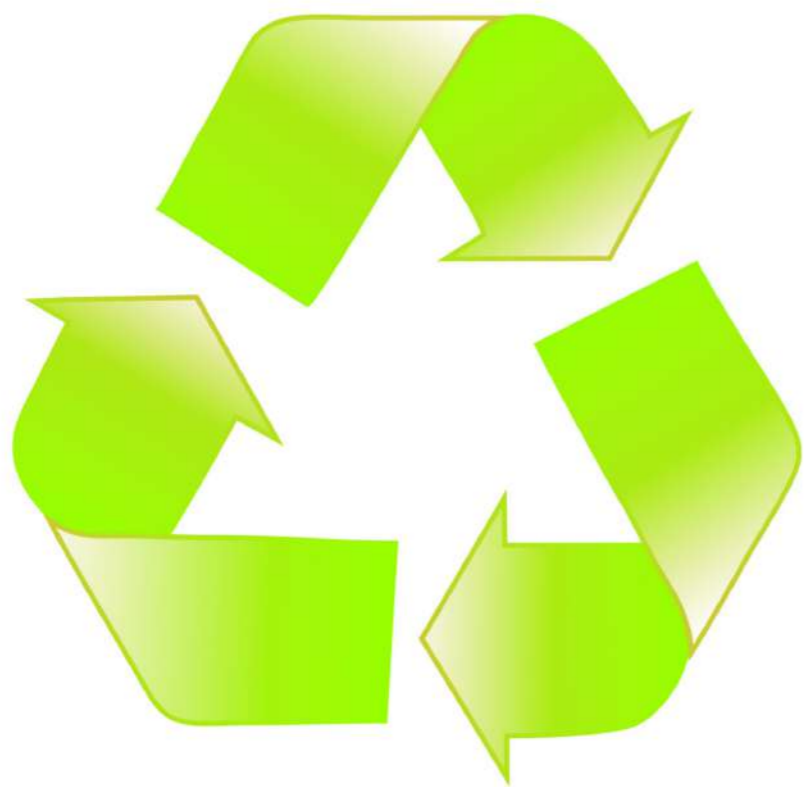
STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ Sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.760.500</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>100%</b>
1	Cá nhân	862.645	8.626.450.000	49%
2	Tổ chức	897.855	8.978.550.000	51%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.760.500</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>100%</b>

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có





### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

#### Tiêu thụ điện

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là chiếu sáng tại các kho bãi và sử dụng trong công việc của bộ phận hành chính – văn phòng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng. Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách thay thế toàn bộ bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn huỳnh quang hoặc Led, tắt các thiết bị điện khi không cần thiết; rà soát lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành thay mới nếu cần thiết.

#### Tiêu thụ nước

Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành kinh doanh nên Công ty chỉ sử dụng nước vào mục đích sinh hoạt cũng như là vệ sinh kho bãi. Công ty không trực tiếp tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải. Tuy nhiên, Công ty luôn đảm bảo nguồn nước sau khi sử dụng được thu gom và xả thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt cũng như thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp Định kỳ tổ chức vệ sinh kho bãi, nạo vét hệ thống thoát nước... đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan tại công ty Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải nguy hại nếu có. Thực hiện chế độ báo cáo liên quan đến công tác môi trường theo đúng quy định và yêu cầu của cơ quan quản lý Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cho CBCNV Công ty, nhất là bộ phận trực tiếp sản xuất.

### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nhằm đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu phục vụ sửa chữa xây lắp đường sắt, Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định về tiêu chuẩn, tăng cường rà soát, kiểm tra nghiêm ngặt nguyên vật liệu trước khi đưa vào thi công như: cát, đá, xi măng, sắt, thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.



## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bảo đảm đủ việc làm thường xuyên cho người lao động; thu nhập bình quân đạt 9.650.000 đồng/người/tháng. Tiếp tục duy trì phương thức thanh toán giữ lại 16% trên đơn giá tiền lương hàng tháng để chi trả lại cho người lao động trong các dịp lễ, tết và cuối năm. Thực hiện tốt mọi chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật: khám sức khỏe định kỳ, trang cấp đầy đủ đồng phục bảo hộ lao động, công cụ dụng cụ sản xuất; tham quan du lịch...vv.

Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho các CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo... Khuyến khích con em của CBCNV thi đua học tập bằng các phần quà ý nghĩa nhân các dịp tết thiếu nhi và Trung Thu.



### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong công tác xã hội, nhiều năm qua, Công ty luôn dành ngân sách cho các hoạt động thiện nguyện với tinh thần tương thân tương ái, hướng tới cộng đồng. Năm 2020, Công ty đã thực hiện nhiều chương trình hoạt động hướng đến cộng đồng, chăm sóc, hỗ trợ, giúp đỡ các gia đình chính sách trên địa bàn, tổ chức nhiều chuyến công tác xã hội thăm và tặng quà cho các mái ấm trẻ mồ côi, khuyết tật, viện dưỡng lão. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động đóng góp, vận động quyên góp giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, đồng bào bị thiên tai, bão lụt...

# BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

---

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT  
KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY  
QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM  
VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## NHỮNG KHÓ KHĂN, THUẬN LỢI TRONG NĂM 2020

### Thuận lợi



Năm 2020 cơ chế chính sách của Nhà nước ngày càng được hoàn thiện có tác dụng hỗ trợ cho doanh nghiệp phát triển bền vững.



Công ty có truyền thống gần 40 năm xây dựng và phát triển có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng đường sắt.



Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, yêu nghề, có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt. Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo giúp đỡ của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và các cơ quan hữu quan của Trung ương và địa phương trên địa bàn.



Ban lãnh đạo cùng tập thể người lao động trong Công ty đoàn kết, nhất trí cao trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD và chiến lược phát triển của Công ty.



### Khó khăn



Kế hoạch sửa chữa phương tiện đường sắt phụ thuộc nhiều vào kế hoạch vận tải, lưu chuyển của các chuyến tàu. Thêm vào đó, lũ lụt thường xuyên cũng gây cản trở việc thi công các dự án cải tạo tuyến đường sắt.



Trong năm 2020, những diễn biến phức tạp của kinh tế trong nước, sự cạnh tranh quyết liệt trên thị trường của các doanh nghiệp cùng ngành nghề là những khó khăn, mà hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của công ty gặp phải. Các dự án thi công ở xa và gặp nhiều khó khăn về lao động thuê ngoài, thời tiết khắc nghiệt, nên chi phí cao ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và lợi nhuận của Công ty.

## NHỮNG ĐIỂM CẦN KHẮC PHỤC

Bên cạnh những mặt công tác chính đã đạt được, trong năm vẫn còn có một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục sửa chữa đó là:



Sự phối hợp giữa các phòng ban, bộ phận có lúc chưa thật sự đồng bộ, chặt chẽ. Chất lượng công tác của một số cá nhân có nâng lên nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, thể hiện sự lúng túng khi va chạm cái mới, chưa thật sự chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao; việc kiểm tra, kiểm soát phát hiện những sai sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chưa sâu nên hiệu quả còn hạn chế.



Công tác quản lý hồ sơ, nội nghiệp của một số phòng, bộ phận chưa thực hiện đúng theo quy trình.



Chất lượng cầu đường tuy có được nâng lên, xóc lắc giảm nhưng một số mặt công tác quản lý, chế độ, chất lượng kiểm tra ở một số đơn vị vẫn chưa thật sự chặt chẽ. Việc chấp hành chỉ thị, mệnh lệnh cấp trên của một số bộ phận CBCNV có lúc chưa nghiêm dẫn đến vẫn còn tình trạng cắt xén quy trình, vi phạm nội quy, quy chế.



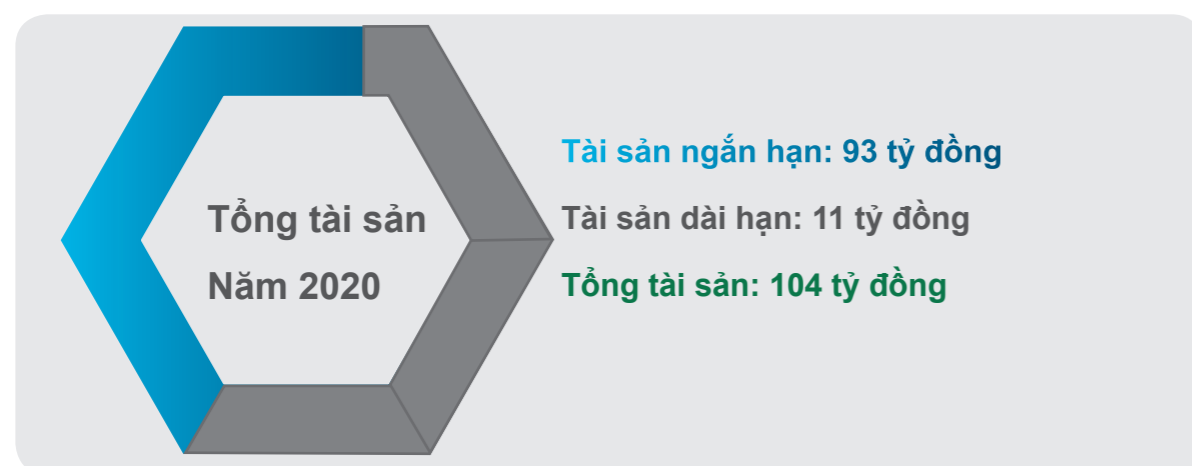
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/ Giảm	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	54.572	92.935	70,29%	82,13%	88,94%
Tài sản dài hạn	11.880	11.562	-2,68%	17,87%	11,06%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>66.452</b>	<b>104.496</b>	<b>54,11%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Cơ cấu tài sản năm 2020, có sự dịch chuyển mạnh, nâng tỷ trọng tài sản ngắn hạn từ 82,13% năm 2019 lên 88,94% năm 2020. Nguyên nhân là do tiền và các khoản tương đương tiền và hàng tồn kho cũng tăng mạnh trong năm 2020.

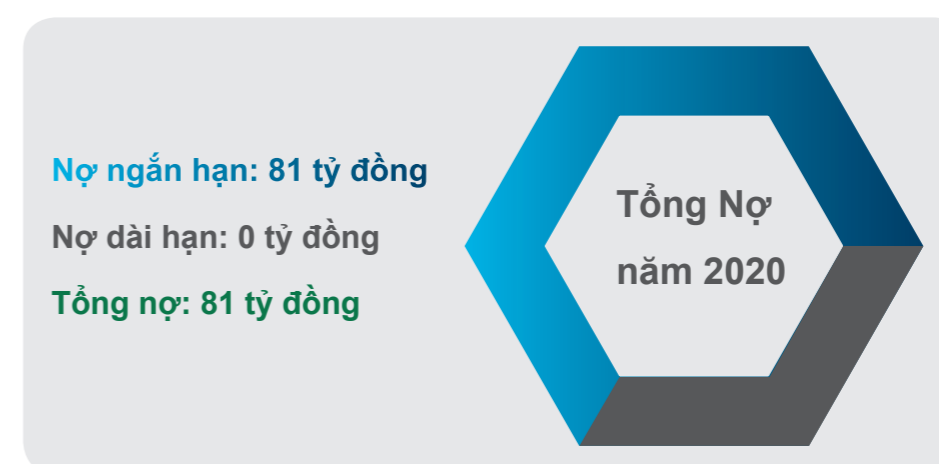


### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng/Giảm	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	44.806	81.783	82,52%	100%	100%
Nợ dài hạn	0	0	0	0%	0%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>44.806</b>	<b>81.783</b>	<b>82,52%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Cơ cấu nợ ngắn hạn có sự biến động lớn, tăng 82,62% so với năm 2019. Cụ thể, đến từ các khoản phải trả người bán năm 2020 tăng 180,45%. Do trong năm ngoài các Công trình thực hiện theo hợp đồng với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Công ty còn tham gia đấu thầu ở các công trình khác ngoài địa bàn, làm cho nhu cầu về vật liệu đầu vào tăng cao. Tuy nhiên các dự án còn dở dang dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2021, do đó Công ty vẫn đảm bảo được tình hình trả nợ đúng hạn cho các đơn vị có liên quan.



Trong năm 2020, công ty tiếp tục thực hiện những cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý với mô hình phân cấp. Các phân xưởng, phòng ban quản lý được quyền ra quyết định trong phạm vi quyền hạn quy định. Mô hình này giúp Ban lãnh đạo quản lý tốt hơn về mặt nhân sự, tạo động lực cho cấp dưới và khuyến khích các cấp quản lý phát huy sáng tạo.

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021	Thực hiện năm 2020	% Năm 2020/ Năm 2019
Sản lượng	Tr. đồng	206.101	192.617	107,00%
Tổng Doanh thu	Tr. đồng	187.364	176.141	106,37%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	5.292	4.977	106,34%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	4.234	4.234	100,00%
Tỷ lệ trả cổ tức	%	12	12	100,00%
Thu nhập bình quân	1000 đồng	9.940	9.650	103,00%
Nộp BHXH, BHYT, BHTN	Tr. đồng	Nộp đủ số phát sinh	10.976	



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG (TIÊU THỤ NƯỚC, NĂNG LƯỢNG, PHÁT THẢI...)

Toàn thể công ty nỗ lực biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng vị trí sản xuất. Trong bảo vệ môi trường, phải lấy phòng ngừa ô nhiễm làm phương châm hành động, khắc phục và loại bỏ tư tưởng chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt mà coi nhẹ việc duy trì, bảo vệ và tái tạo môi trường. Phải huy động tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát huy tính sáng tạo của người lao động trong việc hợp lý hóa sản xuất cải thiện môi trường. Vì những lý do trên, để góp phần vào bảo vệ môi trường bền vững, thiết thực hưởng ứng ngày môi trường thế giới, Ban lãnh đạo Công ty đã tuyên truyền, phổ biến các nội dung về bảo vệ môi trường đối với toàn thể CBCNV trong Công ty như sau:



Tiết kiệm điện, nước ở cơ quan cũng như ở nhà, tiết kiệm mọi lúc, mọi nơi thông qua các hành động thiết thực như: sử dụng những bóng đèn tiết kiệm năng lượng, tắt điện vào giờ trái đất, tắt điện, quạt khi rời khỏi cơ quan, tránh để nước rò rỉ...



Ở những nơi công cộng, không nên vứt rác bừa bãi ra ngoài đường, vứt đúng nơi quy định.



Tránh vứt rác xuống dòng sông, lòng đường, hè phố



### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Phương châm của Công ty là giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới. Bên cạnh việc nâng cao năng lực nhân viên, đảm bảo điều kiện an toàn lao động cũng là tiêu chí quan trọng trong quản lý nguồn nhân lực.

### ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và trách nhiệm với địa phương, đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện..., tham gia với khối Doanh nghiệp I đóng trên địa bàn tỉnh xây dựng nhà tình thương; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ Quỹ Vì người nghèo và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác, qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể nhân viên Công ty với nhau và với xã hội.

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ  
CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY**

**CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI  
ĐỒNG QUẢN TRỊ**

# **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2020 thực hiện

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2019	% Tăng/ Giảm TH/ KH 2020	% Tăng/ Giảm TH 2020/ TH2019
Doanh thu	159.935	175.106	139.935	9,48%	35,17%
Lợi nhuận trước thuế	4.731	4.977	4.532	5,17%	6,82%
Lợi nhuận sau thuế	3.785	4.234	3.517	11,86%	20,38%

Doanh thu năm 2020 vượt 9,48% so với kế hoạch năm 2020, tăng 35,17% so với năm 2019. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng 11,86% so với kế hoạch đề ra, các chỉ tiêu khác đều đạt và vượt so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

Nhờ vào nỗ lực không nhỏ của tập thể CB-CNV Công ty trong tìm kiếm việc làm ngoài sản xuất chính. Cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, thường xuyên sâu sát trong công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát Ban điều hành và bộ phận trực thuộc thực hiện các công việc. Kịp thời hỗ trợ, định hướng các hoạt động của Ban điều hành, từ đó đã duy trì hoạt động của Công ty ổn định và phát triển, đảm bảo đủ việc làm, thu nhập cho người lao động; bảo toàn nguồn vốn cho các cổ đông.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

### Hoạt động giám sát

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc thông qua việc tham dự các buổi họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính;
- Hội đồng quản trị giám sát Giám đốc trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, định hướng chiến lược được hoạch định bởi Hội đồng quản trị Công ty và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.

### CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chú trọng công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, từng bước hoàn thiện bộ máy công ty theo hướng chuyên nghiệp hóa. Tuyển dụng nhân lực kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm để phục vụ việc đầu tư các sản phẩm mang hàm chất xám cao, sản phẩm mới. Chú trọng việc tăng trưởng của công ty, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động.

Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành công ty triển khai các giải pháp quản trị, kiểm soát và đánh giá các hoạt động từng tháng và quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả, đảm bảo đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Quản lý hiệu quả chi phí vận hành nội bộ của Công ty đồng thời soát xét quy chế quản trị nội bộ công ty và nâng cao hiệu quả thực hiện quản trị Công ty theo quy định pháp luật hiện hành.

Tăng cường hiệu quả hoạt động của các thành viên độc lập của Hội đồng quản trị nhằm đóng góp cho sự phát triển Công ty.



## BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Văn Sáu	Chủ tịch HĐQT	13/13	100%	
2	Trần Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	13/13	100%	
3	Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT, không điều hành	13/13	100%	

### Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	02/01/2020	<p>Thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch sản xuất, kinh doanh Quý 1 năm 2020 của Công ty.</li> <li>- Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động năm 2020;</li> <li>- Kế hoạch huấn luyện ATVSLĐ, đào tạo và tuyển dụng năm 2020.</li> </ul>
2	Số 02/NQ-HĐQT	04/03/2020	<p>Thông qua kế hoạch, nội dung phiên họp Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình với các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty: Ngày 25/3/2020.</li> <li>Thời gian tiến hành Đại hội: Dự kiến vào giữa tháng 4 năm 2020</li> <li>Địa điểm: Hội trường Công ty, Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.</li> <li>Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty;</li> <li>Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020;</li> <li>Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020;</li> <li>Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019;</li> <li>Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020;</li> <li>Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;</li> <li>Thông qua Tờ trình về việc giải thể Chi nhánh - Khách sạn Đường sắt;</li> <li>Thông qua Tờ trình Quy chế Quản trị nội bộ Công ty;</li> <li>Thông qua phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019, kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020;</li> <li>Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ.</li> </ul> </li> </ol>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
3	Số 03/NQ-HĐQT	02/01/2020	<p>Thông qua các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Kế hoạch sản xuất, kinh doanh Quý 2 năm 2020 của Công ty.</li> <li>Về công tác tổ chức: Giao cho Giám đốc Công ty xây dựng phương án nhân sự để bố trí 01 đồng chí kiêm nhiệm Phó trưởng Phòng KII-KD, phụ trách công trình ngoài sản xuất chính.</li> </ol>
4	Số 03A/NQ-HĐQT	01/04/2020	<p>Thông nhất thông qua các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đồng ý phương án cho thuê Tài sản và mặt bằng gắn liền với đất (cho thuê Gara nhà để xe) với thời gian kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030 và thời gian thuê của hợp đồng số 02/HĐKT ngày 29/10/2002 (Hợp đồng thuê mặt bằng) đã ký giữa Công ty Xăng dầu Quảng Bình và Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình (nay là Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình) từ tháng 10/2002 đến tháng 10/2027 nay điều chỉnh thời hạn hết hợp đồng đến hết ngày 31/12/2030.</li> <li>Giao cho Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn thiện các thủ tục cần thiết để cho thuê Tài sản gắn liền với đất theo đúng quy định của Pháp luật.</li> <li>Giao cho Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, nhân danh Công ty; thực hiện việc thương thảo, ký kết hợp đồng cho thuê tài sản gắn liền với đất.</li> </ol>
5	Số 04/NQ-HĐQT	06/04/2020	<p>Thông qua kế hoạch, nội dung phiên họp Đại Hội đồng cổ đông (ĐHCĐ) thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình với các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty: Ngày 20/4/2020.</li> <li>Thời gian tiến hành Đại hội: Dự kiến vào tháng 5 năm 2020.</li> <li>Địa điểm: Hội trường Công ty, số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.</li> <li>Nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và phương án sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty;</li> <li>Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020;</li> <li>Thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và định hướng hoạt động năm 2020;</li> <li>Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019;</li> <li>Thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020;</li> <li>Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.</li> <li>Thông qua Tờ trình về việc giải thể Chi nhánh - Khách sạn Đường sắt;</li> <li>Thông qua Tờ trình Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.</li> <li>Thông qua phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019, kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020.</li> <li>Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ.</li> </ul> </li> </ol>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	Số 05/NQ- HĐQT	09/04/2020	<p>Thông qua các nội dung sau:                      Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã được thông qua tại Nghị quyết số 04/NQ- HĐQT ngày 06/4/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.                      Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty: Ngày 04/5/2020.</p>
7	Số 06/NQ- HĐQT	20/05/2020	<p>Thông báo chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình cho các cổ đông như sau: Ngày đăng ký cuối cùng: 03/6/2020. Tỷ lệ thực hiện: 11,9%/cổ phần (một cổ phần nhận được 1.190 đồng).                      Thời gian thanh toán: 23/6/2020.</p>
8	Số 07/NQ- HĐQT	21/05/2020	<p>Thống nhất thông qua các nội dung sau:                      1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động bộ máy gián tiếp, lao động thừa hành phục vụ, lao động trực tiếp tại các đơn vị thuộc Công ty năm 2020, cụ thể như sau:                      Tổng số lao động kế hoạch 550 người theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020, trong đó:                      a) Bộ máy gián tiếp Công ty 39 người, bao gồm:                      - Lãnh đạo quản lý (Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng): 06 người;                      - Phòng Tổ chức - Hành chính: 06 người, gồm Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 04 chuyên viên (trong đó có 01 chuyên viên kiêm nhiệm vụ làm công tác đảng, 01 cán bộ kiêm Thư ký Hội đồng quản trị);                      - Phòng Kế hoạch - Kinh doanh: 05 người, gồm 01 Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng và 03 chuyên viên (trong đó có 01 chuyên viên kiêm Bí thư đoàn thanh niên Công ty);                      - Phòng Kỹ thuật - An toàn: 07 người, gồm Trưởng phòng, 03 Phó Trưởng phòng (trong đó 01 Phó Trưởng phòng kiêm Chủ tịch công đoàn Công ty) và 03 chuyên viên;                      - Phòng Tài chính - Kế toán: 03 người, gồm 01 Phó Trưởng phòng và 02 chuyên viên (Kế toán trưởng đã tính vào cán bộ quản lý);                      - Các Đội QLĐS (04 đội): 12 người, trong đó có 04 Đội trưởng, 04 Đội phó và 04 chuyên viên KH-LĐ-TL-HC.</p>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
8	Số 07/NQ- HĐQT	21/05/2020	<p>b) Lao động thừa hành phục vụ (10 người, không tính 03 hợp đồng bảo vệ cơ quan, kho, xưởng thuê ngoài), bao gồm:                      - Thường trực bảo vệ cơ quan kiêm sửa chữa điện nước: 01 người (bổ trí tại phòng TC-HC);                      - Lái xe con Công ty: 02 người (bổ trí tại phòng TCHC);                      - Y tá cơ quan kiêm quản lý nhà khách, dọn dẹp phòng hội trường, giao ban; phòng Chủ tịch HĐQT, Giám đốc, các Phó Giám đốc: 01 người (bổ trí tại phòng TC-HC Công ty);                      - Thủ kho Công ty: 01 người (bổ trí tại phòng KH-KD);                      - Lái xe tải, lái goòng: 02 người (bổ trí tại phòng KH-KD);                      - Trực điều độ, giám sát camera tập trung: 03 người (bổ trí tại phòng KT-AT);                      c) Lao động trực tiếp tại các đội QLĐS: 456 người (công nhân duy tu, tuần gác tại các cung cầu đường)                      d) Các chi nhánh (02 chi nhánh): 45 người                      - Lao động gián tiếp: tối đa không quá 08 người (Giám đốc, Phó Giám đốc và các chuyên viên Kế toán, Kế hoạch, Kỹ thuật, Tiền lương).                      - Lao động trực tiếp: 37 người.                      e) Đối với lao động trực tiếp tại các đơn vị (các chi nhánh, các đội quản lý đường sắt, các cung cầu đường): ngoài lao động kế hoạch, khi cần thiết phải sử dụng thêm lao động để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty có thể thuê thêm hợp đồng lao động thời vụ ngoài kế hoạch nhưng không được làm giảm thu nhập của người lao động trong Công ty.                      2. Phương án tiền lương Đối với bộ máy gián tiếp:                      a) Quỹ tiền lương, thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Thư ký Hội đồng quản trị; Trưởng ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát; Ban điều hành và Kế toán trưởng Công ty: thực hiện theo kế hoạch tiền lương năm 2020 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 thông qua.                      b) Quỹ tiền lương của của bộ máy gián tiếp và lao động hỗ trợ, phục vụ tại các phòng, Ban chỉ huy các đội quản lý đường sắt: sau khi kế hoạch sử dụng lao động được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, Giám đốc Công ty chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch sử dụng quỹ tiền lương năm 2020 cho các bộ phận và thực hiện việc chi trả cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty.</p>



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
8	Số 07/NQ-HĐQT	21/05/2020	<p>d) Đối với các chi nhánh: căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nguồn tiền lương thực hiện được để xây dựng kế hoạch chi trả cho người lao động hợp lý, đúng đối tượng và báo cáo Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xem xét phê duyệt.</p> <p>3. Thông qua Hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương trong Công ty kèm theo Tờ trình số 363/TTr-ĐSQB ngày 14/5/2020 của Giám đốc Công ty.</p> <p>Thông nhất thông qua các nội dung sau:</p> <p>1. Giao cho Ban Điều hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện sản xuất sửa chữa thường xuyên trong Quý 2/2020 đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu. Triển khai công tác phòng chống bão lũ, thiên tai theo đúng phương án đã được các cấp phê duyệt. Khẩn trương thanh toán khối lượng sửa chữa thường xuyên 4 tháng đầu năm 2020 đã được nghiệm thu.</li> <li>- Khẩn trương hoàn thiện công tác đấu thầu vật tư sửa chữa thường xuyên đúng quy định để kịp thời đưa vào công trình, chậm nhất trong Quý 3/2020.</li> <li>- Khẩn trương chỉ đạo các phòng nghiệp vụ tham mưu mua sắm một số máy móc, thiết bị phục vụ thi công bằng nguồn khấu hao tài sản cố định năm 2020.</li> <li>- Chỉ đạo Phòng TC-IIC khẩn trương bố trí đủ đội hình lên ban gác đường ngang Km 564+850 theo Quyết định 346/QĐ-ĐS ngày 25/5/2020 của, Tổng Giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.</li> <li>- Chỉ đạo các đội QLĐS và 02 Xí nghiệp lựa chọn lực lượng công nhân ưu tú để tham gia công trình thi công các gói thầu thuộc Dự án 7.000 tỷ.</li> </ul> <p>- Giao cho Giám đốc Công ty thực hiện việc thương thảo, ký kết hợp đồng thi công các công trình Gói thầu số 6 và số 9 thuộc Dự án 7.000 tỷ.</p> <p>2. Về công tác tổ chức: Đồng ý để Giám đốc chỉ đạo làm các thủ tục điều chuyển nhân sự cho các xí nghiệp và bố trí kiêm nhiệm chức danh Phó Trưởng phòng KH-KD theo phương án đã trình.</p> <p>3. Một số nội dung khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao ông Đoàn Thuận, Phó Giám đốc Công ty chủ trì, chỉ đạo các Phòng KH-KD, TC-HC, TC-KT làm các thủ tục giải thể Chi nhánh - Khách sạn Đường sắt theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua theo đúng quy định. Tham mưu văn bản trả lời các đối tác hợp đồng thuê Khách sạn và ki ốt của Công ty theo đúng thủ tục và quy định của pháp luật.</li> <li>- Giao Phòng TC-KT chủ động tham mưu lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Tham mưu chi phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020 đã thông qua.</li> </ul>
9	Số 08/NQ-HĐQT	29/05/2020	<p>1. Về công tác tổ chức: Đồng ý để Giám đốc chỉ đạo làm các thủ tục điều chuyển nhân sự cho các xí nghiệp và bố trí kiêm nhiệm chức danh Phó Trưởng phòng KH-KD theo phương án đã trình.</p> <p>3. Một số nội dung khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giao ông Đoàn Thuận, Phó Giám đốc Công ty chủ trì, chỉ đạo các Phòng KH-KD, TC-HC, TC-KT làm các thủ tục giải thể Chi nhánh - Khách sạn Đường sắt theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua theo đúng quy định. Tham mưu văn bản trả lời các đối tác hợp đồng thuê Khách sạn và ki ốt của Công ty theo đúng thủ tục và quy định của pháp luật.</li> <li>- Giao Phòng TC-KT chủ động tham mưu lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty. Tham mưu chi phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020 đã thông qua.</li> </ul>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
10	Số 09/NQ-HĐQT	03/07/2020	Về công tác sản xuất kinh doanh Quý 3/2020
11	Số 10/NQ-HĐQT	02/10/2020	Về công tác sản xuất kinh doanh Quý 4/2020
12	Số 11/NQ-HĐQT	05/11/2020	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020. Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc có địa chỉ tại: P.709, DI 1, Tòa nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
13	Số 12/NQ-HĐQT	19/11/2020	Về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Quảng Bình.
<b>II QUYẾT ĐỊNH</b>			
1	Số 37/QĐ - HĐQT	13/01/2020	Về việc phê duyệt kế hoạch huấn luyện ATVSLĐ, đào tạo, tuyển dụng năm 2020.
2	Số 140/QĐ - HĐQT	21/02/2020	Về việc phê duyệt kế hoạch huấn luyện ATVSLĐ, đào tạo, tuyển dụng năm 2020.
3	Số 162/QĐ - HĐQT	06/03/2020	Về việc thành lập Ban tổ chức và các tiểu ban phục vụ phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
4	Số 163/QĐ - HĐQT	06/03/2020	Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
5	Số 301/QĐ - HĐQT	24/04/2020	Về việc phê duyệt bổ sung, đưa ra quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty CPĐS Quảng Bình giai đoạn 2016-2021.
6	Số 25/QĐ - ĐSQB	11/05/2020	Về việc thành lập tổ thẩm định hồ sơ đấu thầu. Gói thầu: Cung cấp tà vẹt bê tông Dự ứng lực TN1. Dự án: Bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt năm 2020.
7	Số 362/QĐ - HĐQT	14/05/2020	Về việc phê duyệt số lượng, đơn giá mua Bảo hộ lao động năm 2020.
8	Số 27/QĐ - ĐSQB	15/05/2020	Phê duyệt dự toán gói thầu: Cung cấp tà vẹt bê tông Dự ứng lực TN1. Dự án: Bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt năm 2020.
9	Số 30/QĐ - ĐSQB	20/05/2020	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Gói thầu: Cung cấp tà vẹt bê tông Dự ứng lực TN1
10	Số 33/QĐ - ĐSQB	22/05/2020	Phê duyệt hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh. Gói thầu: Cung cấp tà vẹt bê tông Dự ứng lực TN1.
11	Số 36/QĐ - ĐSQB	22/05/2020	Gói thầu: Cung cấp tà vẹt bê tông Dự ứng lực TN1. Dự án: Bảo dưỡng thường xuyên KCHT đường sắt năm 2020
12	Số 382/QĐ - HĐQT	29/05/2020	Về việc Ban hành hệ thống thang bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương trong Công ty CPĐS Quảng Bình

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
13	Số 409/QĐ - HĐQT	29/05/2020	Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế trả lương
14	Số 410/QĐ - HĐQT	29/05/2020	Ban hành Quy định về chi tiêu nội bộ của Công ty
15	Số 411/QĐ - HĐQT	29/05/2020	Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty
16	Số 412/QĐ - HĐQT	29/05/2020	Ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty
17	Số 413/QĐ - HĐQT	29/05/2020	Ban hành Quy chế quản trị nội bộ của Công ty
18	Số 421/QĐ - HĐQT	01/06/2020	Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, phương án tiền lương năm 2020
19	Số 431/QĐ - HĐQT	03/06/2020	Về việc phân phối lợi nhuận năm 2019
20	Số 437/QĐ - HĐQT	05/06/2020	Về việc giải thể Chi nhánh – Khách sạn Đường sắt
21	Số 622/QĐ - HĐQT	30/06/2020	Phê duyệt kế hoạch sử dụng vốn khấu hao TSCĐ năm 2020
22	Số 629/QĐ - HĐQT	06/07/2020	V/v kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ
23	Số 643/QĐ - HĐQT	20/07/2020	V/v thành lập tổ chấm bài thi lý thuyết bậc thợ năm 2020
24	Số 847/QĐ - HĐQT	16/10/2020	V/v Thành lập Ban chỉ huy cứu chữa, khắc phục hậu quả do mưa lũ
25	Số 852/QĐ - HĐQT	18/10/2020	V/v điều động lực lượng và thành lập đội cứu chữa
26	Số 923/QĐ - HĐQT	13/11/2020	V/v thành lập hội đồng xử lý công nợ
27	Số 1030/QĐ - HĐQT	18/12/2020	V/v chi quỹ phúc lợi
28	Số 1031/QĐ - HĐQT	18/12/2020	V/v thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản tại thời điểm 0h ngày 01/01/2021

## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc thông qua việc tham dự các buổi họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính.
- Hội đồng quản trị giám sát Giám đốc trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, định hướng chiến lược được hoạch định bởi Hội đồng quản trị Công ty và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hội đồng quản trị giám sát, chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo quy định.

## Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Văn Sáu	Chủ tịch HĐQT	61.700	3,504%
2	Trần Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	32.600	1,851%
3	Nguyễn Văn Minh	Thành viên HĐQT, không điều hành	93.550	5,313%



## **ÔNG TRẦN VĂN SÁU** Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 448.927,5 cổ phần

Sở hữu cá nhân : 57.600 cổ phần

Ngày sinh : 12/12/1966

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Hộ khẩu thường trú : Tổ dân phố 6, Phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường sắt

### Quá trình công tác:

3/1987 - 3/2000	Nhân viên Kế toán – Công ty Cơ giới và Xây lắp Việt Đức
4/2000 - 2/2002	Kỹ thuật viên đội đường 4
3/2002 - 11/2002	Quyền Đội trưởng đội đường 2; Giám sát viên khu vực 4
12/2002 - 3/2011	Phó phòng Kỹ thuật
4/2011 - 7/2013	Giám đốc Xí nghiệp KDDV-XDCT; Giám đốc Xí nghiệp XDCT
8/2013 - 30/11/2015	Phó Giám đốc công ty.
01/12/2015 - 28/2/2018	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.
01/3/2019 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị.

THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM GIÁM ĐỐC: TRẦN NGỌC SƠN

Thông tin đã đề cập tại mục Ban điều hành

## **ÔNG NGUYỄN VĂN MINH** Thành viên Hội đồng quản trị

Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam: 0 cổ phần

Sở hữu cá nhân : 93.550 cổ phần

Ngày sinh : 22/5/1964

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Hộ khẩu thường trú : Phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế xây dựng; cử nhân Luật.

### Quá trình công tác:

2/1982 - 6/1985	Tham gia quân đội;
7/1985 - 3/1997	Công nhân gác cầu đường sắt, Cung đường Phúc Tự thuộc Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;
4/1997 - 8/1998	Thường trực công tác đoàn kiêm công tác thi đua Xí nghiệp quản lý đường sắt Quảng Bình;
9/1998 - 12/2000	Bí thư Đoàn TN Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;
01/2001 - 01/2002	Bí thư Đoàn TN kiêm chuyên viên phòng TC-KT Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;
2/2002 đến 5/2002	Bí thư Đoàn TN kiêm Phó trưởng phòng Vật tư Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;
6/2002 - 11/2006	Trưởng phòng Vật tư Công ty quản lý đường sắt Quảng Bình;
12/2006 - 19/4/2018	Trưởng phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.
20/4/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.

# BAN KIỂM SOÁT

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đỗ Thị Thùy Giang	Trưởng Ban KS	5.000	0,284%
2	Lê Minh Tâm	Thành viên Ban KS	900	0,051%
3	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên Ban KS	1.900	0,108%

### BÀ ĐỖ THỊ THÙY GIANG Trưởng Ban kiểm soát

**Ngày sinh** : 08/01/1985  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Hộ khẩu thường trú** : Tổ dân phố 4, Phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
**Trình độ chuyên môn**: Cử nhân kinh tế

**Sở hữu đại diện cho Tổng công ty đường sắt Việt Nam**: 0 cổ phần  
**Sở hữu cá nhân** : 5.000 cổ phần  
**Những người có liên quan (Bố đẻ là ông Đỗ Bá Tâm, cổ đông lớn)**: 184.500 cổ phần

#### Quá trình công tác:

11/2009 - 10/2011 Chuyên viên Phòng Kế hoạch Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình;  
11/2011 - 5/2015 Chuyên viên Phòng TC-KT Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình;  
6/2015 - 11/2015 Chuyên viên Phòng TC-HC Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình;  
12/2015 - 02/2016 Phó trưởng Phòng TC-HC Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình;  
3/2016 - 4/2018 Phó trưởng Phòng TC-KT Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình;  
20/4/2018 đến nay Trưởng Ban Kiểm soát.

### ÔNG LÊ MINH TÂM

#### Thành viên Ban kiểm soát

**Ngày sinh** : 20/05/1979  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Hộ khẩu thường trú** : Tổ dân phố 4, Phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
**Trình độ chuyên môn**: Cử nhân kinh tế

**Sở hữu cá nhân** : 900 cổ phần

#### Quá trình công tác:

4/2006 - 8/2010 Thống kê đội QLĐS 2 Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình;  
9/2010 - 10/2010 Thống kê đội QLĐS 5 Công ty Quản lý đường sắt Quảng Bình;  
11/2010 - 4/2011 Chuyên viên Kế hoạch - Vật tư Xí nghiệp KDDV-XDCT thuộc Công ty QLĐS Quảng Bình;  
5/2011 - 12/2020 Chuyên viên Phòng TC-HC CTCP Đường sắt Quảng Bình.  
04/2018 đến nay Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường sắt Quảng Bình.  
01/2021 - Nay Phó phòng Tổ chức Hành chính CTCP Đường sắt Quảng Bình.

### ÔNG NGUYỄN THANH PHONG

#### Thành viên Ban kiểm soát

**Ngày sinh** : 20/11/1975  
**Quốc tịch** : Việt Nam  
**Dân tộc** : Kinh  
**Hộ khẩu thường trú** : Tổ dân phố 4, Phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
**Trình độ chuyên môn**: Kỹ sư cầu đường bộ

**Sở hữu cá nhân** : 1.900 cổ phần

#### Quá trình công tác:

1/1996 - 3/2000 Công nhân Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;  
4/2000 - 3/2002 Thống kê Đội đường 1 thuộc Xí nghiệp Quản lý đường sắt Quảng Bình;  
4/2002 - 6/2012 Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty TNHH một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Bình;  
7/2012 - 10/2019 Phó trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình.  
10/2019 đến nay Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Bình

## Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Qua công tác kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc đã tuân thủ theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty.

## Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.
- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT.
- Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.



## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên người quản lý	Chức vụ	Tiền lương cả năm	Tiền lương tăng thêm do LN thực hiện tăng (nếu có)	Tổng cộng
<b>I</b>	<b>NQL chuyên trách</b>		<b>1.782.828.000</b>	<b>89.141.400</b>	<b>1.871.969.400</b>
a	Người đại diện phần vốn NN		<b>670.036.967</b>	<b>33.501.848</b>	<b>703.538.815</b>
1	Trần Văn Sáu	CT HĐQT	350.867.262	17.543.363	368.410.625
2	Trần Ngọc Sơn	Giám đốc	319.169.705	15.958.485	335.128.190
	Bình quân/người				
b	Người không đại diện phần vốn NN		<b>1.112.791.033</b>	<b>55.639.552</b>	<b>1.168.430.585</b>
1	Đoàn Thuận	PGĐ	287.495.062	14.374.753	301.869.815
2	Trương Hữu Mạnh	PGĐ	296.665.181	14.833.259	311.498.440
3	Mai Thị Tuyết Lan	KTT	274.744.484	13.737.224	288.481.708
4	Đỗ Thị Thùy Giang	TBKS	253.886.306	12.694.315	266.580.621
	Bình quân/người				
<b>II</b>	<b>NQL không chuyên trách</b>				
<b>III</b>	<b>Thù lao</b>		<b>80.400.000</b>	<b>-</b>	<b>80.400.000</b>
1	Trần Ngọc Sơn	TV HĐQT	24.000.000		24.000.000
2	Nguyễn Văn Minh	TV HĐQT	24.000.000		24.000.000
3	Lê Minh Tâm	Thư ký HĐQT	10.800.000		10.800.000
4	Lê Minh Tâm	TV BKS	10.800.000		10.800.000
5	Nguyễn Thanh Phong	TV BKS	10.800.000		10.800.000
	Bình quân/người/tháng				
	<b>CỘNG</b>		<b>1.863.228.000</b>	<b>89.141.400</b>	<b>1.952.369.400</b>

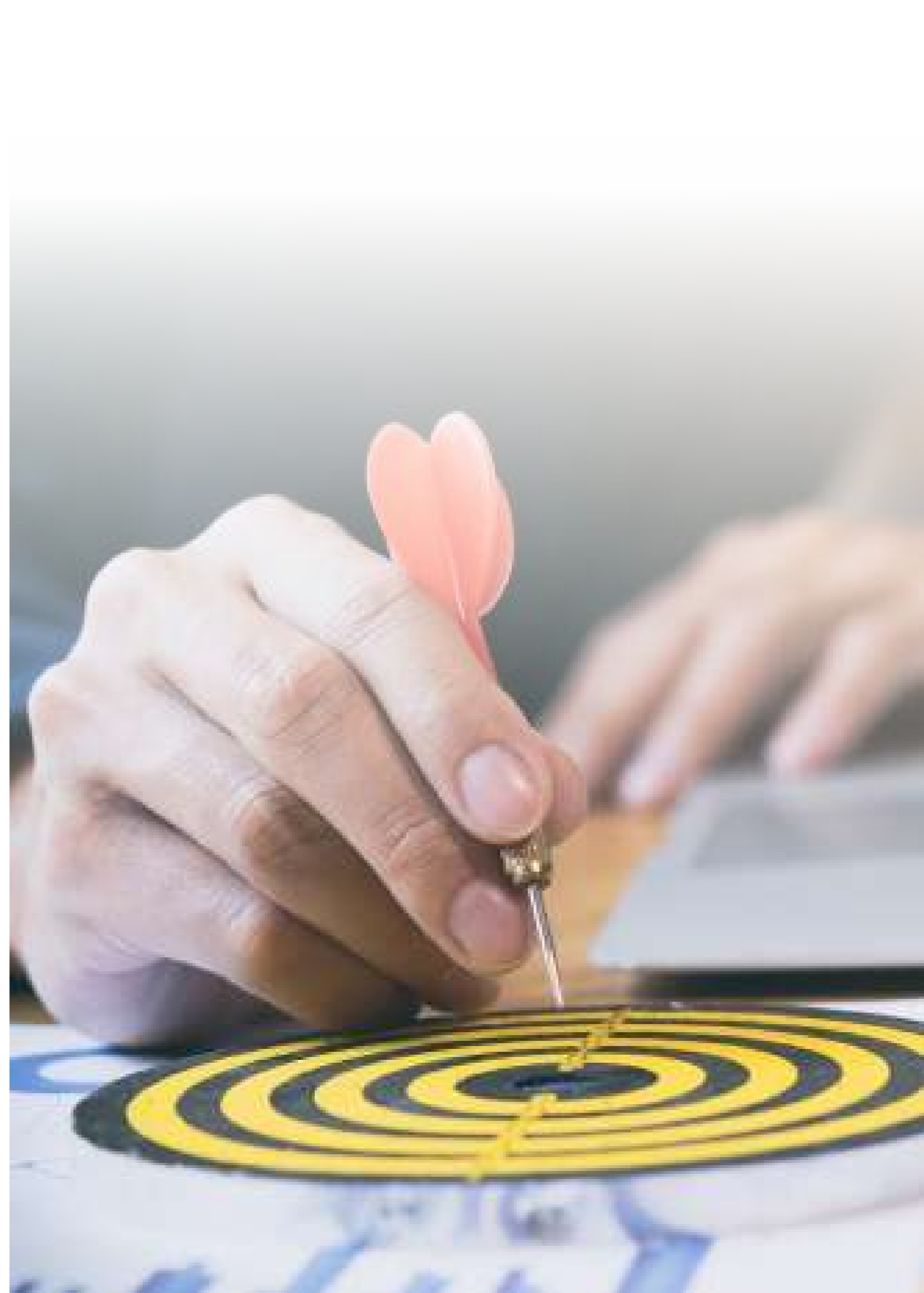
## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
Trần Văn Sáu	Chủ tịch HĐQT	54.800	2,59	61.700	3,50	Mua
Trần Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	26.000	1,23	32.600	1,85	Mua

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.**

### Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.





# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	2 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100213455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 06/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 01/03/2018.

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 14/01/2016 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3100213455.

Vốn điều lệ: 17.605.000.000 VND  
Số lượng cổ phiếu: 1.760.500 cổ phiếu  
Mệnh giá: 10.000 VND/ cổ phiếu.  
Mã chứng khoán: QBR

Trụ sở chính của Công ty tại số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Trần Văn Sáu Chủ tịch HĐQT  
Ông Trần Ngọc Sơn Thành viên HĐQT  
Ông Nguyễn Văn Minh Thành viên HĐQT

#### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Ngọc Sơn Giám đốc  
Ông Đoàn Thuận Phó Giám đốc  
Ông Trương Hữu Mạnh Phó Giám đốc  
Bà Mai Thị Tuyết Lan Kế toán trưởng

#### Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thị Thùy Giang Trưởng ban  
Ông Lê Minh Tâm Thành viên  
Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên

### ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Ngọc Sơn - Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám đốc,



**Trần Ngọc Sơn**

Giám đốc

Quảng Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2021

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình được lập ngày 23/02/2021, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



### Ong Thế Đức

#### Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0855-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021

### Lê Viết Cường

#### Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2478-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH  
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2020	Đơn vị tính: VND 01/01/2020
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>92.934.524.818</b>	<b>54.571.898.422</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>18.243.416.004</b>	<b>5.835.159.658</b>
1. Tiền	111		6.009.996.826	5.835.159.658
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.233.419.178	-
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>49.882.809.354</b>	<b>47.228.226.546</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	49.153.201.572	47.697.404.840
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	45.590.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.885.370.130	1.903.695.500
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(1.201.352.348)	(2.372.873.794)
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>24.808.299.460</b>	<b>1.508.512.218</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.808.299.460	1.508.512.218
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.561.880.115</b>	<b>11.879.927.114</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.561.880.115</b>	<b>11.879.927.114</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	11.561.880.115	11.879.927.114
- Nguyên giá	222		36.842.067.040	35.619.235.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.280.186.925)	(23.739.308.108)
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV/ Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>104.496.404.933</b>	<b>66.451.825.536</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
<b>C/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>81.782.677.401</b>	<b>44.806.325.840</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>81.782.677.401</b>	<b>44.806.325.840</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	50.562.744.390	18.029.197.594
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	2.220.118.803	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.240.020.648	3.166.639.053
4. Phải trả người lao động	314		19.417.506.424	17.708.934.424
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	1.227.282.996	333.624.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	973.500.160	1.510.394.365
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.680.000.000	1.882.598.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.461.503.980	2.174.938.404
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.713.727.532</b>	<b>21.645.499.696</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>22.713.727.532</b>	<b>21.645.499.696</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.605.000.000	17.605.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.605.000.000	17.605.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		874.468.340	522.687.078
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.234.259.192	3.517.812.618
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.234.259.192	3.517.812.618
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>104.496.404.933</b>	<b>66.451.825.536</b>



Trần Ngọc Sơn  
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2021

*Handwritten signature of Mai Thị Tuyết Lan*

Mai Thị Tuyết Lan  
Kế toán trưởng

*Handwritten signature of Đoàn Thị Tâm*

Đoàn Thị Tâm  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	175.106.637.795	139.934.777.633
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>175.106.637.795</b>	<b>139.934.777.633</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	158.854.495.873	125.709.913.817
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>16.252.141.922</b>	<b>14.224.863.816</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	921.543.074	1.177.367.469
7. Chi phí tài chính	22	6.4	23.205.480	1.591.781
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.205.480	1.591.781
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	12.231.574.367	10.702.540.474
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4.918.905.149</b>	<b>4.698.099.030</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	112.393.396	672.078.707
12. Chi phí khác	32	6.7	54.362.917	837.493.762
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>58.030.479</b>	<b>(165.415.055)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.976.935.628</b>	<b>4.532.683.975</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	742.676.436	1.014.871.357
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.234.259.192</b>	<b>3.517.812.618</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.405	1.998
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	2.405	1.998



Trần Ngọc Sơn  
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2021

*Handwritten signature of Mai Thị Tuyết Lan*

Mai Thị Tuyết Lan  
Kế toán trưởng

*Handwritten signature of Đoàn Thị Tâm*

Đoàn Thị Tâm  
Người lập biểu

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2020	Năm 2019
<b>I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	195.061.055.226	147.937.735.174
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(95.576.823.941)	(64.170.359.065)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(65.779.889.087)	(64.715.542.411)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(23.205.480)	(1.591.781)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(876.257.368)	(733.314.503)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	353.239.808	97.824.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.874.618.341)	(23.070.623.671)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>15.283.500.817</b>	<b>(4.655.872.257)</b>
<b>II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.727.381.818)	(632.250.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.727.273	72.375.001
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	921.543.074	1.171.492.469
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(782.111.471)</b>	<b>611.617.470</b>
<b>III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	25.900.000.000	1.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.900.000.000)	(1.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.093.133.000)	(1.933.944.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(2.093.133.000)</b>	<b>(1.933.944.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>12.408.256.346</b>	<b>(5.978.199.287)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5.835.159.658</b>	<b>11.813.358.945</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>18.243.416.004</b>	<b>5.835.159.658</b>



Trần Ngọc Sơn  
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Mai Thị Tuyết Lan  
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Tâm  
Người lập biểu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100213455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 06/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 01/03/2018.

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Bình, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Ngày 14/01/2016 Công ty chính thức hoạt động theo mô hình doanh nghiệp cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3100213455.

Vốn điều lệ: 17.605.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 1.760.500 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND/ cổ phiếu.

Mã chứng khoán: QBR

Trụ sở chính của Công ty tại số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Hỗ trợ vận tải đường sắt;
- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt: Quản lý, duy tu sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật hệ thống cầu đường đảm bảo an ninh cho tàu chạy thông suốt trong mọi tình huống; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt; Dịch vụ vận chuyển;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng, lắp đặt các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng, sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông; các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng dân dụng;
- Khách sạn: Kinh doanh khách sạn;
- Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh nhà nghỉ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Kinh doanh nhà hàng, ăn uống, giải khát;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê phương tiện vận chuyển.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 1.4 Cấu trúc công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Xây dựng công trình	Số 377 đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Lý, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty
Khách sạn Đường sắt Quảng Bình	Đường Trương Pháp, phường Hải Thành, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty
Xí nghiệp Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp	Đường Hoàng Diệu, phường Nam Lý, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí có liên quan trực tiếp khác;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: Giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

### 4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

### 4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.12 Doanh thu và thu nhập

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển. Áp dụng giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

### 4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	15.924.201	16.157.985
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.994.072.625	5.819.001.673
Các khoản tương đương tiền	12.233.419.178	-
<b>Cộng</b>	<b>18.243.416.004</b>	<b>5.835.159.658</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>46.850.744.270</b>	<b>-</b>	<b>43.481.778.451</b>	<b>(98.355.650)</b>
Tổng công ty đường sắt Việt	41.205.782.275	-	39.236.304.896	-
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	-	-	299.109.400	-
Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	-	-	196.711.300	(98.355.650)
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	793.812.359	-	1.206.032.372	-
Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	890.731.769	-	909.295.060	-
Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	1.187.642.359	-	1.213.638.423	-
Công ty CP TTTT Đường sắt Đà Nẵng	-	-	420.687.000	-
Công ty CP Đường sắt Yên Lào	32.960.000	-	-	-
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	2.294.449.623	-	-	-
Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	445.365.885	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>2.302.457.302</b>	<b>(1.201.352.348)</b>	<b>4.215.626.389</b>	<b>(2.274.518.144)</b>
Công ty TNHH Tập đoàn Cục 6 Đường sắt Trung Quốc	1.751.637.348	(1.091.352.348)	3.829.637.348	(2.152.518.144)
Các khoản phải thu khách hàng khác	550.819.954	(110.000.000)	385.989.041	(122.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>49.153.201.572</b>	<b>(1.201.352.348)</b>	<b>47.697.404.840</b>	<b>(2.372.873.794)</b>

### 5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các bên khác</b>	<b>45.590.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Hợp tác xã Xuân Long	32.500.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Trường Tiến	13.090.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>45.590.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>797.849.973</b>	-	<b>1.815.090.912</b>	-
Phải thu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam chi phí thu gom, vận chuyển, trông coi VTTH	797.849.973	-	1.815.090.912	-
<b>Các bên khác</b>	<b>1.087.520.157</b>	-	<b>88.604.588</b>	-
Phải thu khác	1.087.520.157	-	88.604.588	-
<b>Cộng</b>	<b>1.885.370.130</b>	-	<b>1.903.695.500</b>	-

### 5.5 Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Tập đoàn Cục 6 Đường sắt Trung Quốc	1.751.637.348	660.285.000	3.829.637.348	1.677.119.204
Công ty TNHH Hoàng Huy Toàn	-	-	12.000.000	6.000.000
Công ty TNHH XD Tổng hợp Thăng Lợi	-	-	20.000.000	14.000.000
Công ty CP Đường Sắt Hà Ninh	-	-	196.711.300	98.355.650
Công ty CP Công trình 2	110.000.000	-	110.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.861.637.348</b>	<b>660.285.000</b>	<b>4.168.348.648</b>	<b>1.795.474.854</b>

### Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số dư đầu năm	2.372.873.794	110.000.000
Trích lập trong năm	-	2.262.873.794
Hoàn nhập trong năm	(1.171.521.446)	-
Điều chỉnh khác	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.201.352.348</b>	<b>2.372.873.794</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	18.640.026.471	-	883.305.101	-
Công cụ, dụng cụ	59.117.554	-	66.483.028	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (ii)	6.072.761.810	-	558.724.089	-
Thành phẩm	36.393.625	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.808.299.460</b>	-	<b>1.508.512.218</b>	-

(i) Trong đó chủ yếu là vật liệu ray P50, tà vẹt bê tông dự ứng lực giá trị 15.815.114.434 VND phục vụ cho Công trình sửa chữa định kỳ đường sắt Km 589+000 – Km 597+000 tuyến đường sắt Hà Nội – TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 33/2020/HĐXD ngày 09/11/2020 với tổng giá trị hợp đồng là 54.434.088.279 VND (đã bao gồm VAT).

### (ii) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
CT cứu chữa, khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra	1.332.122.873	-
CT thi công cải tạo, nâng cấp nền đường	1.104.367.555	-
Sửa chữa định kỳ đường Km 474+100-479+500	3.088.816.278	-
Các công trình khác	547.455.104	558.724.089
<b>Cộng</b>	<b>6.072.761.810</b>	<b>558.724.089</b>



5.7	Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc VND				Thiết bị, dụng cụ quản lý VND				Tổng cộng VND		
		Nguyên giá	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Nguyên giá	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Nguyên giá	Giá trị thuần VND	
	NGUYÊN GIÁ											
	Số dư tại 01/01/2020	21.331.854.174	6.172.141.906	8.002.875.506	112.363.636	35.619.235.222						
	Mua trong năm	-	1.559.200.000	-	168.181.818	1.727.381.818						
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	(504.550.000)	-	(504.550.000)						
	Số dư tại 31/12/2020	21.331.854.174	7.731.341.906	7.498.325.506	280.545.454	36.842.067.040						
	GIÁ TRỊ HAO MÒN											
	Số dư tại 01/01/2020	12.055.548.397	4.191.443.979	7.379.952.096	112.363.636	23.739.308.108						
	Khấu hao trong năm	975.920.559	815.099.069	249.534.354	4.874.835	2.045.428.817						
	Thanh lý, nhượng bán	-	-	(504.550.000)	-	(504.550.000)						
	Số dư tại 31/12/2020	13.031.468.956	5.006.543.048	7.124.936.450	117.238.471	25.280.186.925						
	GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
	Số dư tại 01/01/2020	9.276.305.777	1.980.697.927	622.923.410	-	11.879.927.114						
	Số dư tại 31/12/2020	8.300.385.218	2.724.798.858	373.389.056	163.306.983	11.561.880.115						

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2020 là 0 VND, tại 01/01/2020 là 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020 là 11.062.447.130 VND, tại 01/01/2020 là 8.721.716.867 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH  
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.8 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>3.352.896.603</b>	<b>3.352.896.603</b>	<b>4.333.588.128</b>	<b>4.333.588.128</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.509.329.942	2.509.329.942	2.506.079.581	2.506.079.581
Công ty CP TTHH Đường sắt Vinh	-	-	289.013.547	289.013.547
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	-	-	1.204.821.000	1.204.821.000
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	300.849.782	300.849.782	300.849.782	300.849.782
Trường Cao đẳng Nghệ Đường sắt	227.530.800	227.530.800	-	-
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	282.361.861	282.361.861	-	-
CN Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Xi nghiệp đầu máy Yên Viên	32.824.218	32.824.218	32.824.218	32.824.218
<b>Các bên khác</b>	<b>47.209.847.787</b>	<b>47.209.847.787</b>	<b>13.695.609.466</b>	<b>13.695.609.466</b>
Công ty CP Đá Hoàng Mai	4.108.498.950	4.108.498.950	2.878.773.904	2.878.773.904
Công ty CP Đầu tư Công trình Hà Nội	1.388.552.400	1.388.552.400	3.151.005.500	3.151.005.500
Công ty CP xây dựng & Phát triển HTC	5.067.050.406	5.067.050.406	-	-
Công ty TNHH MTV xây dựng & TM Đường sắt Đồng Dương	20.313.601.547	20.313.601.547	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	16.332.144.484	16.332.144.484	7.665.830.062	7.665.830.062
<b>Cộng</b>	<b>50.562.744.390</b>	<b>50.562.744.390</b>	<b>18.029.197.594</b>	<b>18.029.197.594</b>

5.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các bên khác</b>	<b>2.220.118.803</b>	<b>2.220.118.803</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ban quản lý Dự án Đường sắt	683.338.753	683.338.753	-	-
Ban quản lý dự án 85 - Bộ GTVT	1.490.263.050	1.490.263.050	-	-
Các đối tượng khác	46.517.000	46.517.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.220.118.803</b>	<b>2.220.118.803</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp cuối năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số phải nộp đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.262.729.140	7.626.332.157	6.581.162.439	2.307.898.858
Thuế thu nhập doanh nghiệp	725.159.263	876.257.368	742.676.436	858.740.195
Thuế thu nhập cá nhân	-	112.853.002	112.853.002	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	252.132.245	928.354.442	1.180.486.687	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Các loại thuế khác	-	14.533.258	14.533.258	-
<b>Cộng</b>	<b>2.240.020.648</b>	<b>9.564.330.227</b>	<b>8.637.711.822</b>	<b>3.166.639.053</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	110.000.000	75.000.000
Chi phí tổ chức cho CBCNV đi tham quan học tập	840.000.000	-
Chi phí khảo sát nâng cấp phần mềm hệ thống giám sát hành trình tuần đường	277.282.996	258.624.000
<b>Cộng</b>	<b>1.227.282.996</b>	<b>333.624.000</b>

### 5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Các bên khác</b>	<b>973.500.160</b>	<b>973.500.160</b>	<b>1.510.394.365</b>	<b>1.510.394.365</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	400.745.413	400.745.413	80.149.000	80.149.000
Phải bồi thường thiệt hại tàu trật bánh	-	-	666.843.359	666.843.359
Cổ tức	9.072.500	9.072.500	7.210.500	7.210.500
Các khoản khác	563.682.247	563.682.247	756.191.506	756.191.506
<b>Cộng</b>	<b>973.500.160</b>	<b>973.500.160</b>	<b>1.510.394.365</b>	<b>1.510.394.365</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.13 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại 01/01/2019</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>252.034.078</b>	<b>2.706.525.099</b>	<b>20.563.559.177</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	3.517.812.618	3.517.812.618
Phân phối lợi nhuận	-	270.653.000	(2.706.525.099)	(2.435.872.099)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>522.687.078</b>	<b>3.517.812.618</b>	<b>21.645.499.696</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>522.687.078</b>	<b>3.517.812.618</b>	<b>21.645.499.696</b>
<b>Số dư tại 01/01/2020</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>522.687.078</b>	<b>3.517.812.618</b>	<b>21.645.499.696</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	4.234.259.192	4.234.259.192
Phân phối lợi nhuận (i)	-	351.781.262	(3.517.812.618)	(3.166.031.356)
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>874.468.340</b>	<b>4.234.259.192</b>	<b>22.713.727.532</b>

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 374/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2020 như sau:

	Phân phối lợi nhuận	
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	928.417.356	359.856.099
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	142.619.000	139.466.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	351.781.262	270.653.000
Chia cổ tức	2.094.995.000	1.936.550.000
<b>Tổng</b>	<b>3.517.812.618</b>	<b>2.706.525.099</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	17.605.000.000	17.605.000.000
Vốn góp cuối năm	17.605.000.000	17.605.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>2.094.995.000</b>	<b>1.936.550.000</b>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020			01/01/2020		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	897.855	8.978.550.000	51,00%	897.855	8.978.550.000	51,00%
Ông Đỗ Bá Tâm	184.500	1.845.000.000	10,48%	184.500	1.845.000.000	10,48%
Bà Mai Thị Tuyết Lan	96.745	967.450.000	5,50%	96.745	967.450.000	5,50%
Ông Nguyễn Văn Minh	93.550	935.500.000	5,31%	93.550	935.500.000	5,31%
Các cổ đông khác	487.850	4.878.500.000	27,71%	487.850	4.878.500.000	27,71%
<b>Cộng</b>	<b>1.760.500</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.760.500</b>	<b>17.605.000.000</b>	<b>100%</b>

Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.760.500	1.760.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.760.500	1.760.500
Cổ phiếu phổ thông	1.760.500	1.760.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.500	1.760.500
Cổ phiếu phổ thông	1.760.500	1.760.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

### 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	127.581.999.766	115.400.032.045
Doanh thu hoạt động xây lắp (hợp đồng xây dựng)	42.061.096.974	18.565.933.947
Doanh thu cho thuê + hoạt động khác	5.463.541.055	5.968.811.641
<b>Cộng</b>	<b>175.106.637.795</b>	<b>139.934.777.633</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### 6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	150.547.596.777	133.619.244.332
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	-	397.005.969
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	1.079.674.872	1.096.393.065
Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	809.756.154	826.631.873
Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	1.079.674.872	1.103.307.657
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2	-	582.411.546
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	-	637.404.545
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	5.486.160.399	-
Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	404.878.077	-
Công ty CP Đường sắt Yên Lào	149.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>159.557.341.151</b>	<b>138.262.398.987</b>

#### 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	111.336.551.722	100.995.097.002
Giá vốn hoạt động xây lắp (hợp đồng xây dựng)	42.092.824.165	18.690.465.926
Giá vốn cho thuê + hoạt động khác	5.425.119.986	6.024.350.889
<b>Cộng</b>	<b>158.854.495.873</b>	<b>125.709.913.817</b>

#### 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	921.543.074	1.177.367.469
<b>Cộng</b>	<b>921.543.074</b>	<b>1.177.367.469</b>

#### 6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	23.205.480	1.591.781
<b>Cộng</b>	<b>23.205.480</b>	<b>1.591.781</b>

#### 6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.535.040.365	8.128.400.942
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.696.534.002	2.574.139.532
<b>Cộng</b>	<b>12.231.574.367</b>	<b>10.702.540.474</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH  
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập thực hiện bảo đảm TTATGTĐS năm 2019	-	150.000.000
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.430.473	27.837.050
Thường vượt tiến độ	-	70.400.000
Các khoản khác	110.962.923	423.841.657
<b>Cộng</b>	<b>112.393.396</b>	<b>672.078.707</b>

**6.7 Chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Kinh phí thực hiện bảo đảm TTATGTĐS năm 2019	-	150.000.000
Khoản phạt vượt định mức vật tư công trình đường sắt trên cao Cát Linh - Hà Đông	-	470.110.652
Khoản nộp theo thông báo Quyết toán nguồn sự nghiệp kinh tế năm 2017, 2018	-	71.562.163
Khoản nộp theo TB số 2170/ĐS-TCKT ngày 21/8/2020 về quyết toán ngân sách năm 2019	23.378.555	-
Khoản nộp quyết toán thuế năm 2019 theo QĐ 1136/QĐ-CT ngày 17/08/2020	24.415.540	-
Các khoản khác	6.568.822	145.820.947
<b>Cộng</b>	<b>54.362.917</b>	<b>837.493.762</b>

**6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.976.935.628</b>	<b>4.532.683.975</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>327.896.060</b>	<b>541.672.815</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	327.896.060	541.672.815
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>327.896.060</i>	<i>541.672.815</i>
<b>Thu nhập tính thuế TNDN</b>	<b>5.304.831.688</b>	<b>5.074.356.790</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế TNDN</b>	<b>1.060.966.337</b>	<b>1.014.871.357</b>
<b>Thuế suất thuế TNDN được miễn, giảm</b>	<b>30%</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN được miễn, giảm</b>	<b>(318.289.901)</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành</b>	<b>742.676.436</b>	<b>1.014.871.357</b>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>742.676.436</b>	<b>1.014.871.357</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH  
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**6.9 Lãi trên cổ phiếu**

**6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.234.259.192	3.517.812.618
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	4.234.259.192	3.517.812.618
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) (i)	1.760.500	1.760.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.405</b>	<b>1.998</b>

(i) Điều lệ hoạt động và quy chế tài chính của Công ty không quy định cụ thể về việc phải trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Đồng thời, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa đến kỳ tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Theo đó, Công ty không ước tính quỹ khen thưởng phúc lợi cần trích lập khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**6.9.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.234.259.192	3.517.812.618
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	4.234.259.192	3.517.812.618
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.760.500	1.760.500
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.405</b>	<b>1.998</b>

**6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.068.968.768	48.716.083.825
Chi phí nhân công	79.412.952.965	71.447.220.841
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.918.401.681	2.021.503.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.149.473.060	10.538.538.546
Chi phí khác bằng tiền	7.188.469.504	5.776.571.900
<b>Cộng</b>	<b>178.738.265.978</b>	<b>138.499.918.618</b>

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Các khoản công nợ tiềm tàng**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

**7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 7.3 Thông tin về các bên liên quan

#### 7.3.1 Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Hà Ninh	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Thuận Hải	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Sài Gòn	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Yên Lào	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Phú Khánh	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP TTTH Đường sắt Vinh	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Công ty CP Đường sắt Nghệ Tĩnh	Công ty con của TCT Đường Sắt VN
Trường Cao đẳng Nghề Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp của TCT Đường Sắt VN
Xí nghiệp đầu máy Yên Viên	Đơn vị sự nghiệp của TCT Đường Sắt VN
Trung tâm Y tế Dự phòng Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp của TCT Đường Sắt VN

#### 7.3.2 Giao dịch với các bên liên quan trong năm

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>		
- Thuê máy móc thiết bị chuyên dùng	3.579.339.148	3.573.311.718
- Thanh toán tiền thuê máy móc thiết bị chuyên dùng	4.295.749.155	4.485.261.265
- Thuê nhà cung cầu đường, nhà làm việc, nhà lưu trú	210.106.950	242.303.591
- Nhận thanh toán kinh phí, khối lượng hoàn thành	163.582.296.955	139.010.025.011
- Thanh toán tiền cổ tức	1.068.447.450	987.640.500
- Vay vốn Tổng Công ty	7.900.000.000	-
- Trả vốn vay Tổng Công ty	7.900.000.000	-
<b>Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng</b>		
- Thu tiền bán hàng hóa	299.109.400	180.000.000
<b>Công ty CP Đường sắt Hà Ninh</b>		
- Thu tiền thanh toán	196.711.300	-
<b>Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa</b>		
- Thanh toán tiền thi công	1.204.821.000	1.171.713.202
- Thuê thi công	-	1.704.821.000
- Thu tiền thi công	3.740.326.815	-
<b>Công ty CP TTTH Đường sắt Vinh</b>		
- Thanh toán tiền hợp đồng	289.013.547	213.284.000
- Thuê thi công hạng mục TTTH	-	289.013.547

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng</b>		
- Nhận thanh toán tiền thi công	420.687.000	490.012.070
<b>Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên</b>		
- Nhận tiền thanh toán	1.706.032.372	-
- Nhận thanh toán tiền thuê máy	-	392.237.440
<b>Công ty CP Đường sắt Thuận Hải</b>		
- Nhận thanh toán thi công	909.295.060	923.751.747
<b>Công ty CP Đường sắt Sài Gòn</b>		
- Nhận thanh toán tiền thi công	1.213.638.423	1.082.661.343
<b>Trung tâm Y tế Dự phòng Đường sắt</b>		
- Thuê khám sức khỏe định kỳ	120.500.000	95.800.000
- Thanh toán tiền khám sức khỏe định kỳ	120.500.000	95.800.000
<b>Xí nghiệp Đầu máy Yên Viên</b>		
- Thuê dịch vụ	32.824.218	32.824.218
- Thanh toán tiền cung cấp dịch vụ	32.824.218	32.824.218
<b>Trường Cao đẳng Nghề Đường sắt Việt Nam</b>		
- Chi phí đào tạo	546.887.300	240.807.472
- Thanh toán chi phí đào tạo	319.356.500	330.807.472
<b>Công ty CP Đường sắt Yên Lào</b>		
- Thanh toán chi phí	131.600.000	-

#### Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát	1.952.369.400	1.791.832.000

#### 7.3.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã trình bày ở các Thuyết minh trên.

#### 7.4 Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động duy tu, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

#### 7.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH  
Số 377 đường Trần Hưng Đạo, Tp. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 7.6 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Bình đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.



Trần Ngọc Sơn  
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Mai Thị Tuyết Lan  
Kế toán trưởng

Đoàn Thị Tâm  
Người lập biểu



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG SẮT QUẢNG BÌNH

Quảng Bình, ngày 19 tháng 03 năm 2021  
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trần Ngọc Sơn  
Giám đốc